

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

**BẢN CÁO BẠCH**
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0301825283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày ngày 30 tháng 09 năm 1999, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 07/07/2016)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số . . . /GCN- UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày . . . tháng . . . năm 2017)

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà 322 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08 3899 1101

Fax: 08 3512 1775

Website : www.pjtaco.petrolimex.com.vn

Email : pjtaco@pjtaco.com.vn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Địa chỉ : Tầng 4, toà nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại : 04.3514 8838

Fax: 04.3514 8768

Website : www.vics.vn

Email : info@vics.vn.

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : PHAN VĂN KỶ

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Điện thoại : 08 3899 1101

Fax: 08 3512 1775

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0301825283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày ngày 30 tháng 09 năm 1999, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 07/07/2016)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán	: 4.543.240 cổ phiếu
Trong đó:	
- Phát hành cho cổ đông hiện hữu	: 4.543.240 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá)	: 45.432.400.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CHI NHÁNH HÀ THÀNH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Chi nhánh Hà Thành:

Địa chỉ : Tầng 4, toà nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 35148838 Fax:(84-4) 35148768

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 2 Bis Nguyễn Thị Minh Khai – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-8) 39110788 Fax : (84-8) 39110789
Website : www.vics.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÀN NAM VIỆT

Trụ sở : 29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 08 39103908 Fax: 08 39104880
Website : www.aascn.com.vn

Mục lục

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1.	Rủi ro về kinh tế	7
2.	Rủi ro thị trường	9
3.	Rủi ro về luật pháp.....	9
4.	Rủi ro đặc thù ngành.....	10
5.	Rủi ro của đợt chào bán và của việc sử dụng vốn từ đợt chào bán.....	11
6.	Rủi ro pha loãng.....	12
7.	Rủi ro quản trị Công ty	14
8.	Rủi ro khác.....	14
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	14
1.	Tổ chức phát hành	14
2.	Tổ chức tư vấn	15
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	15
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	16
1.	Giới thiệu chung về tổ chức phát hành	16
2.	Quá trình hình thành và phát triển	18
3.	Cơ cấu tổ chức công ty	24
4.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	25
4.1.	Đại hội đồng cổ đông.....	27
4.2.	Hội đồng quản trị	27
4.3.	Ban kiểm soát	27
4.4.	Ban Tổng Giám đốc.....	27
4.5.	Các phòng ban chức năng.....	28
5.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	30
5.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tính đến thời điểm hiện tại	30
5.2.	Danh sách cổ đông sáng lập.....	32
5.3.	Cơ cấu cổ đông tại ngày 08/09/2016	32
6.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	32
6.1.	Công ty mẹ của tổ chức phát hành.....	32
6.2.	Danh sách những Công ty con của Công ty	33
6.3.	Danh sách Công ty liên doanh, liên kết	33

6.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	33
7. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty:.....	33
8. Hoạt động kinh doanh.....	34
8.1. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty	34
8.2. Giá trị sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	34
8.3. Nguyên vật liệu.....	36
8.4. Chi phí sản xuất	37
8.5. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành.....	38
8.6. Hoạt động Marketing.....	39
8.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	40
8.8. Các hợp đồng lớn đã thực hiện hoặc đã được ký kết.....	40
9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	41
9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của công ty năm 2014-2016.....	41
9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo	42
10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	43
10.1. Vị thế của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex trong ngành.....	43
10.2. Triển vọng phát triển của ngành	43
10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	44
11. Chính sách đối với người lao động.....	44
11.1. Số lượng người lao động trong công ty.....	44
11.2. Chính sách lương thưởng, trợ cấp, đào tạo.....	45
11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động	46
12. Chính sách cổ tức.....	46
13. Tình hình tài chính.....	47
13.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	47
13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	58
14. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	61
14.1. Hội đồng quản trị	61
14.2. Ban Giám đốc	67
14.3. Ban Kiểm soát.....	70
14.4. Kế toán trưởng	74
14.5. Danh sách những người có liên quan tới thành viên HĐQT; BKS; Ban Giám đốc	76
15. Tài sản.....	80

16.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	83
16.1.	Một số chỉ tiêu kế hoạch 2016.....	83
16.2.	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức.....	85
17.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	85
18.	Thời gian dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	85
19.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành.....	85
20.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán phát hành.....	86
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	86
1.	Loại cổ phiếu.....	86
2.	Mệnh giá.....	86
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành, đối tượng phát hành.....	86
4.	Giá chào bán dự kiến.....	86
5.	Phương pháp tính giá.....	86
6.	Phương thức phân phối.....	88
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu.....	89
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	90
9.	Phương thức thực hiện quyền.....	91
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	91
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	92
12.	Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán.....	93
12.1.	Đối với Công ty.....	93
12.2.	Đối với nhà đầu tư.....	94
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	94
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	95
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	99
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	100
1.	Tổ chức chào bán.....	100
2.	Tổ chức kiểm toán.....	100
3.	Tổ chức tư vấn.....	100
	PHỤ LỤC.....	102

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1 - Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần	30
Bảng 2 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn	31
Bảng 3 - Cơ cấu doanh thu theo khoản mục của Công ty (Công ty mẹ)	34
Bảng 4 - Cơ cấu doanh thu theo khoản mục của Công ty (Hợp nhất).....	35
Bảng 5 - Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng loại hình doanh thu (Công ty mẹ).....	35
Bảng 6 - Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng loại hình doanh thu hợp nhất.....	36
Bảng 7 - Cơ cấu chi phí theo khoản mục của Công ty (Công ty mẹ).....	37
Bảng 8 - Cơ cấu chi phí theo khoản mục của Công ty (Hợp nhất).....	38
Bảng 9 - Các hợp đồng lớn PJT đã ký kết và đang thực hiện.....	40
Bảng 10 - Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của PJT (Công ty mẹ).....	41
Bảng 11 - Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của PJT (Hợp nhất)	42
Bảng 12 - Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2014 - 2015	47
Bảng 13 - Thời gian khấu hao của các loại tài sản.....	48
Bảng 14 - Mức thu nhập bình quân tại Công ty Cổ phần	49
Bảng 15 - Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước.....	49
Bảng 16 - Tình hình trích lập quỹ của Công ty (Hợp nhất) qua các năm	50
Bảng 17 - Tình hình dư nợ vay của Công ty (Công ty mẹ và Hợp nhất) qua các năm.....	50
Bảng 19 - Chi tiết các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)	52
Bảng 20 - Chi tiết các khoản phải thu Công ty mẹ	53
Bảng 21 - Chi tiết các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)	56
Bảng 22 - Chi tiết các khoản phải trả của Công ty mẹ.....	57
Bảng 23 - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Hợp nhất)	58
Bảng 24 - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Công ty mẹ).....	60
Bảng 25 - Tài sản của Công ty (Công ty mẹ) vào thời điểm 31/12/2015	80
Bảng 26 - Tài sản của Công ty (hợp nhất) vào thời điểm 31/12/2015.....	81
Bảng 27 - Tài sản của Công ty (Công ty mẹ) vào ngày 30/09/2016.....	82
Bảng 28 - Tài sản của Công ty (Hợp nhất) vào ngày 30/09/2016.....	83
Bảng 29. Hạch toán hiệu quả kinh doanh của tàu đầu tư.....	98

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, ... Doanh nghiệp - một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân.

Rủi ro về kinh tế là khi một Công ty hay một ngành có thể bị ảnh hưởng xấu do nền kinh tế quốc gia có những sự biến động hay suy thoái và có khả năng làm giảm nhu cầu về những sản phẩm của Công ty, do đó làm giảm doanh thu lợi nhuận của Công ty.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, GDP năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với năm 2014, trong đó *GDP quý I/2015 tăng 6,12%, quý II/2015 tăng 6,47%, quý III/2015 tăng 6,87%, quý IV/2015 tăng 7,01%*. Tăng trưởng GDP năm nay đã vượt mục tiêu 6,2% đề ra từ đầu năm và đạt cao nhất trong 5 năm qua (năm 2011 tăng 6,25%, năm 2012 tăng 5,25%, năm 2013 tăng 5,42%, năm 2014 tăng 5,98%); GDP 9 tháng đầu năm 2016 ước tính tăng 5.93% so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục xu hướng tăng trưởng GDP quý sau cao hơn quý trước (quý 1 tăng 5.48%, quý 2 tăng 5.78% và ước tính quý 3 tăng 6.40%). Đây là những dấu hiệu tích cực về tăng trưởng của nền kinh tế. Sự phát triển của nền kinh tế có ảnh hưởng tốt đến sự phát triển của ngành vận tải nói chung và hoạt động kinh doanh của PJT nói riêng.

Để đảm bảo tính bền vững trong hoạt động, ban lãnh đạo công ty luôn bám sát với tình hình kinh tế trong nước và quốc tế để xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn phù hợp với từng thời kỳ phát triển.

Lạm phát

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Để quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh, ban lãnh đạo Công ty cũng theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới để xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển phù hợp, hạn chế bớt những ảnh hưởng tiêu cực từ các yếu tố vĩ mô.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, CPI cả nước năm 2015 tăng 0,63% so với năm ngoái, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 5% của Quốc hội đặt ra và đây cũng là mức tăng thấp nhất của chỉ số giá tiêu dùng kể từ năm 2001 trở lại đây. Tuy nhiên, bước sang năm 2016, CPI có xu hướng tăng, CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2016 so với cùng kỳ năm trước tăng 2.07%. CPI năm 2016 tăng cao một phần là do giá xăng, dầu được điều chỉnh tăng vào ngày 19/8/2016 và ngày 5/9/2016 (giá xăng tăng 1,380 đồng/lít; giá dầu diezen tăng 720 đồng/lít), làm cho chỉ số giá của nhóm giao thông tăng 0.55% đóng góp 0.05% vào mức tăng chung của CPI

Lãi suất

Một phần lớn trong nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty đến từ các khoản vay ngân hàng và các tổ chức tài chính, năm 2015 hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty (hợp nhất) là 1,23 lần. Vì vậy, chi phí lãi suất tăng cao sẽ gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh cũng như dòng tiền hoạt động của Công ty.

Trong năm 2015, mặt bằng lãi suất, cả lãi suất huy động và lãi suất cho vay, giảm từ 0,2% - 0,5%/. Dù không đạt được như kỳ vọng đầu năm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhưng mặt bằng lãi suất này cũng đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà vẫn giữ được tính ổn định của thị trường tiền tệ. Theo thông tin về hoạt động ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đưa ra vào tháng 03/2016, mức lãi suất cho vay đồng Việt Nam ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2015 là từ 6,8% - 9%/năm và kỳ hạn trung hạn là từ 9,3% - 11%/năm. Mức lãi suất cho vay của một số chương trình ưu tiên giảm nhẹ xuống khoảng 6,5% - 6,6%/năm. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định trong năm vừa qua. Lãi suất kỳ hạn ngắn (từ dưới 1 tháng) có xu hướng giảm nhẹ, trong khi lãi suất kỳ hạn dài hơn (từ trên 3 tháng) có xu hướng tăng nhẹ. Nếu như thanh khoản trong năm 2014 là rất dồi dào thì thanh khoản hệ thống năm nay có chiều hướng giảm nhẹ, thể hiện qua hiện tượng lãi suất liên ngân hàng trong ngắn hạn đôi lúc biến động mạnh. Đây là hệ quả tất yếu của áp lực tỷ giá xuất hiện với cường độ mạnh..

Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mặt bằng lãi suất trong năm 2016 sẽ ổn định trong xu hướng tăng dần với mức tăng có thể lên tới 0,5%. Tăng trưởng tín dụng có thể đạt khoảng 18% - 20%. Cơ sở cho dự đoán dựa trên kỳ vọng lạm phát gia tăng trong năm 2016, nhu cầu vốn phát hành trái phiếu Chính Phủ và sự kiện FED thay đổi lãi suất USD vào thời điểm tháng 12/2015.

Rủi ro biến động tỷ giá

Rủi ro về biến động tỷ giá là rủi ro khi có sự biến động bất lợi về tỷ giá ngoại tệ đến giá thành các nguồn nguyên vật liệu đầu vào và/hoặc giá bán các thành phẩm, dịch vụ cung cấp, làm giảm lợi nhuận của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty có chức năng xuất nhập khẩu, nên nếu tỷ giá hối đoái thay đổi đột biến sẽ ảnh hưởng đến giá mua và giá bán cho các sản phẩm xuất nhập khẩu của Công ty, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Năm 2015 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thông báo ba lần phá giá đồng VND và hai lần điều chỉnh biên độ giao dịch. Lần điều chỉnh cuối cùng trong năm 2015 vào ngày 19/8 được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đưa ra bao gồm phá giá VND thêm 1% và nâng biên độ giao dịch lên +/-3% từ mức +/-2% trước đó.

Sự bất ổn tỷ giá đã khiến cho các doanh nghiệp nói chung và PJT nói riêng phải gánh thêm chi phí hoạt động tài chính từ hoạt động lỗ chênh lệch tỷ giá.

Đến thời điểm gần nhất đầu năm 2016, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ra quyết định về việc công bố tỷ giá trung tâm của VND với USD, tỷ giá tính chéo của VND với một số ngoại tệ khác.

Tuy nhiên, nhờ tăng trưởng tích cực cũng như việc xoay chuyển trọng tâm điều hành chính sách tiền tệ sang tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên năm 2016 sẽ là năm Việt Nam có tỷ giá tương đối ổn định so với các đồng tiền khác trong khu vực.

2. Rủi ro thị trường

Hiện tại giá xăng dầu trên thế giới biến động phức tạp và ở mức cao. Có nhiều thời điểm, diễn biến thị trường không phản ánh đúng quy luật cung cầu thuần túy mà bị tác động bởi nhiều yếu tố khác. Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại các nước không ngừng tăng lên, nhất là đối với những nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Ấn Độ, ... nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước.

Trên thực tế, rất khó dự đoán tình hình thị trường nhiên liệu quốc tế. Biến động phức tạp của thị trường nhiên liệu quốc tế có ảnh hưởng trực tiếp đến các nước nhập khẩu nhiên liệu, các doanh nghiệp nhập khẩu nhiên liệu. Các diễn biến này ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, chi phí đầu vào ngày càng cao mà giá cước vận tải không thể tăng ngay với tỷ lệ tương ứng. Điều này ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro về luật pháp

Hiện tại Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex đã là công ty đại chúng và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với công ty niêm yết.

Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển, khung pháp lý và luật pháp chưa theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn non trẻ và có những đặc thù

riêng biệt so với các thị trường chứng khoán tại các quốc gia phát triển cũng như mới nổi khác. Chính vì vậy, hệ thống pháp luật vận hành thị trường vẫn đang tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện không ngừng. Mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những kết quả không mong đợi, ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

4. Rủi ro đặc thù ngành

Các nước xuất khẩu dầu mỏ OPEC chiếm 76% trữ lượng dầu toàn cầu, tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực năng lượng với tư cách là nguồn cung cấp chính. Các nước này chủ yếu tập trung ở Trung Đông – một trong những điểm nóng của thế giới với những cuộc xung đột xảy ra liên tục, làm ảnh hưởng đến giá dầu thế giới. Giá dầu thô thế giới tăng làm giá nhập khẩu các mặt hàng xăng dầu tăng, ảnh hưởng đến ngành vận tải nói chung và đến hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng.

Hoạt động trong lĩnh vực vận tải xăng dầu đường thủy nên Công ty luôn phải đối mặt với rủi ro cháy nổ, hỏa hoạn. Công ty đã thành lập Ban an toàn - pháp chế hàng hải, xây dựng Hệ thống quản lý an toàn ISM Code để tăng cường công tác quản lý an toàn theo chuẩn mực; đề ra các chính sách phòng cháy chữa cháy nghiêm ngặt để giảm thiểu rủi ro. Ngoài ra, để giảm thiểu thiệt hại về tài sản, Công ty đã mua bảo hiểm để hạn chế tối đa thiệt hại tài chính cho Công ty.

Hoạt động vận tải xăng dầu của Công ty có rủi ro tai nạn giao thông. Rủi ro này gây thiệt hại về tài sản cũng như ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái biển, ô nhiễm môi trường. Công ty đã mua bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, để giảm thiểu rủi ro này.

Hoạt động kinh doanh của Công ty gặp khó khăn khi khách hàng thực hiện không đúng như cam kết trong hợp đồng, thanh toán tiền quá hạn, hoặc khách hàng bị phá sản mất khả năng chi trả. Công ty đã đưa ra các định mức về hạn ngạch cụ thể về số lượng tiền, thời gian chi trả và tìm các đối tác khách hàng có tiềm năng tài chính và uy tín.

Quá trình bán lẻ xăng dầu phát sinh rủi ro cháy nổ gây thiệt hại về con người và tài sản Công ty. Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy, chữa cháy và mua bảo hiểm để bù đắp các tổn thất về tài chính nếu rủi ro này xảy ra.

Giá nguyên vật liệu sửa chữa và đóng tàu tăng cao ảnh hưởng đến kế hoạch sửa chữa, bảo trì đội tàu của Công ty làm tăng chi phí đầu vào. Nếu giá nguyên vật liệu tăng đột biến sau khi đã ký kết hợp đồng sửa chữa, đóng tàu, Công ty phải bù phần chênh lệch giá, gây nên thiệt hại cho Công ty. Để khắc phục rủi ro này, Công ty đã tập trung nhân lực để hoàn thành công trình trong một thời gian ngắn, chỉ thực hiện các hợp đồng với khách hàng có năng lực tài chính để

công trình không kéo dài thời gian. Quan hệ tìm kiếm nguồn cung cấp vật tư ổn định, giá cả hợp lý, tiết kiệm vật tư ...

5. Rủi ro của đợt chào bán và của việc sử dụng vốn từ đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán:

Trong những năm qua, thị trường chứng khoán có nhiều biến động. Cùng với những biến động của kinh tế vĩ mô, hệ quả dẫn đến là thị trường chứng khoán suy giảm. Nhiều Công ty thực hiện tăng vốn, đưa ra thị trường một lượng cung lớn cổ phiếu, trái phiếu. Lượng cung chứng khoán lớn dẫn đến sự cạnh tranh lớn của các cổ phiếu chào bán. Đây cũng là một rủi ro lớn đối với cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex.

Hơn thế nữa, tâm lý nhà đầu tư cũng là một yếu tố gây rủi ro lớn cho đợt chào bán. Trong thời gian qua, thị trường chứng khoán suy giảm, giá nhiều cổ phiếu giảm điểm gây thiệt hại cho không ít các nhà đầu tư, vì vậy, các nhà đầu tư sẽ có tâm lý thận trọng khi lựa chọn đầu tư các cổ phiếu mới. Đứng trước sự cạnh tranh của nhiều cổ phiếu, sự lựa chọn của các nhà đầu tư là một yếu tố khá rủi ro với đợt chào bán của Công ty.

Đối tượng chào bán của đợt phát hành là cổ đông hiện hữu và phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với sự nhất trí cao. Và để đảm bảo sự thành công, Công ty đã phân tích thị trường, vì vậy rủi ro của đợt phát hành đã được giảm thiểu.

Tuy nhiên, đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên vẫn có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, điều này sẽ gây ảnh hưởng đến kế hoạch tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh như dự kiến. Trong trường hợp này, lượng cổ phần không được mua hết sẽ được xử lý theo hướng:

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác với mức giá phù hợp, nhưng không ưu đãi hơn so với chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Xin gia hạn phát hành nếu hết thời gian được phép phát hành mà Công ty không bán hết số cổ phần được cấp phép phát hành.
- Hội đồng quản trị chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác đảm bảo huy động đủ vốn thực hiện dự án nếu hết thời gian gia hạn mà vẫn không bán hết được số cổ phiếu được cấp phép phát hành.

Rủi ro của việc sử dụng vốn từ đợt chào bán:

Đối với dự án của Công ty, việc đầu tư tàu là nhu cầu có thật, thể hiện qua thực tế khai thác đội tàu hiện hữu. Đội tàu biển của Công ty được khai thác chuyên tuyến, thời gian vận doanh luôn đạt từ 90%, thị phần vận tải được mở rộng, các chỉ tiêu sản lượng, doanh số, lợi nhuận, nộp ngân sách, thu nhập người lao động đều tăng trưởng qua các năm. Đội tàu biển hiện tại của Công ty có trọng tải nhỏ nên lãng phí nguồn hàng khai thác, giá thành vận tải cao, không cho phép Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh, ký thêm các hợp đồng kinh tế. Đầu tư cho đội tàu là cơ sở cho việc thực hiện các kế hoạch phát triển doanh thu – lợi nhuận của Công ty.

Hiện tại, quy mô vốn của Công ty chỉ ở mức trung bình, việc huy động vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu để làm vốn đối ứng vay ngân hàng được đề xuất là phù hợp với thực tế, có ưu thế so với việc tài trợ Dự án hoàn toàn bằng vốn vay ngân hàng.

Tuy nhiên, quá trình triển khai Dự án có thể xảy ra các rủi ro nhất định gây ảnh hưởng đến việc thực hiện các kế hoạch doanh thu – lợi nhuận của Công ty. Do đặc trưng vận tải xăng dầu, rủi ro tai nạn biển, tràn dầu ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi sinh, môi trường, hệ sinh thái biển, việc đền bù rất tốn kém ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc mua bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm dân sự, tuân theo các quy định an toàn hàng hải,... để có thể đề phòng và giảm thiểu tổn thất tài chính nếu xảy ra rủi ro.

6. Rủi ro pha loãng

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm; (ii) thu nhập ròng trên mỗi cổ phần - EPS (Earning Per Share); (iii) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iv) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

Mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau khi chào bán

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu PJT sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + (I \times PR)}{1 + I}$$

P_{pl} : là giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng

P_t : là giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua

I : là tỷ lệ vốn tăng trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu: được tính = 4.542.700 cổ phần phát hành thêm quyền mua cho cổ đông hiện hữu/10.817.238 cổ phần đang lưu hành trước thời điểm phát hành ($I = 0,42$)

PR : Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu ($PR=10.000$ đồng/cổ phiếu)

Vào ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm giá cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh. Giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng P_{pl} phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng P_t

+ Nếu $P_t = PR = 10.000$ đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng $P_{pl} = P_t = 10.000$ đồng/cổ phiếu.

+ Nếu $P_t < PR$, thì $P_t < P_{pl}$ và P_t càng thấp thì khoảng cách $P_{pl} - P_t$ sẽ càng cao.

+ Nếu $P_t > PR$ thì $P_t > P_{pl}$ và P_t càng cao thì khoảng cách $P_t - P_{pl}$ càng cao. Với mỗi giá P_t cụ thể ta sẽ có giá P_{pl} tương ứng.

Rủi ro pha loãng giá xảy ra khi giá cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền để thực hiện quyền $P_t > PR = 10.000$ đồng.

Ví dụ: Giả sử giá cổ phiếu tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền $P_t = 12.300$ đồng/cổ phiếu. Giá pha loãng cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex sau đợt phát hành được xác định như sau:

$$P_{pl} = \frac{12.300 + (10.000 \times 0,42)}{1 + 0,42} = 11.620 \text{ đồng/cp}$$

Ghi chú: giá thị trường trong ví dụ trên được tính bằng mức giá đóng cửa tại ngày 13/05/2016, giá trị thị trường của cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex vào thời điểm chốt danh sách cổ đông vẫn có thể biến động.

Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần sau khi chào bán

Khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần để tăng vốn, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể sẽ bị giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng. Khi đó EPS được tính như sau:

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

$$\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

Trong đó:

- X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty làm ăn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành – cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (tối đa là 100% và giả sử không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

7. Rủi ro quản trị Công ty

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu nhất, giảm thiểu tối đa rủi ro cho doanh nghiệp.

Rủi ro quản trị Công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải xăng dầu đường thủy trong nhiều năm, PJT đã tạo lập được uy tín vững chắc trên thị trường dựa trên nền tảng đội ngũ quản lý có nhiều năm kinh nghiệm. Đồng thời, Công ty cũng tập trung tuyển dụng nguồn nhân lực kỹ thuật được đào tạo từ các trường đại học trong và ngoài nước, nâng cao chuyên môn cho nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, cùng chính sách đãi ngộ tốt để thu hút và duy trì đội ngũ nhân sự ổn định.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là thấp.

8. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa,... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Do vậy, trong hoạt động của mình, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex luôn chú ý đến các nhân tố có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh để có những biện pháp xử lý phù hợp nhằm giảm thiểu những thiệt hại có thể có.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Phan Văn Kỳ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Hiền Kế toán trưởng
Ông Hoàng Anh Tuấn Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện: Ông **Tô Thành Vinh**
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
(Theo giấy ủy quyền số 16/2016/GUQ – VICIS)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex.
Công ty	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex.
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam
VICIS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam
Báo cáo tài chính	Là báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
Báo cáo tài chính hợp nhất	Là báo cáo được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài của Công ty cổ phần và các Công ty con, công ty liên kết
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng

Điều lệ	đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex thông qua ngày 28/04/2016
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần đã phát hành của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
TSCĐ	Tài sản cố định
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
KHĐT	Sở Kế hoạch Đầu tư
BCTC	Báo cáo tài chính
CBCNV	Cán bộ nhân viên
TCPH	Tổ chức phát hành
DT	Doanh thu
TDT	Tổng doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
LNST	Lợi nhuận sau thuế

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

Tên tiếng việt: Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex

Tên tiếng Anh: PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER COMPANY

Tên viết tắt: PETROLIMEX TANKER JSC

Biểu tượng (Logo):



Trụ sở chính : Tầng 7, tòa nhà số 322 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại : (08) 38991101 – 35121780 **Số Fax:** (08) 35121775 - 35123345

Website : www.pjtaco.petrokimex.com.vn

Email: pjtaco@pjtaco.com.vn.

Mã số thuế: 0301825283

Vốn điều lệ: 108.172.380.000 đồng

Giấy CNDKKD: Số 0301825283 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/09/1999, thay đổi lần thứ 18 ngày 07/07/2016.

Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương: Vận tải xăng, dầu, dầu nhờn, dầu thô, khí hóa lỏng, hóa chất lỏng, nước nhiễm dầu, cặn dầu và hàng hóa khác.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa: Vận tải xăng, dầu, dầu nhờn, dầu thô, khí hóa lỏng, hóa chất lỏng, nước nhiễm dầu, cặn dầu và hàng hóa khác.
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến vận tải: Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, đường thủy nội địa; Cho thuê tàu vận tải; Cung ứng và lai dắt tàu biển, tàu sông; Ứng cứu tràn dầu; Cung ứng và quản lý thuyền viên.
- Bán buôn nguyên, nhiên liệu và các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế: xăng, dầu, dầu hỏa, dầu nhờn, than.
- Bán lẻ xăng, dầu, dầu hỏa, dầu nhờn, mỡ bôi trơn, sản phẩm làm mát động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Đại lý mua bán, môi giới nhiên liệu cho tàu thuyền trong nước và nước ngoài.
- Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng và nâng cấp phương tiện vận tải thủy, tàu đánh bắt thủy sản (trừ thiết kế phương tiện vận tải);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị dầu khí, giàn khoan (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

- Xây dựng, sửa chữa kho xăng dầu; Lắp đặt máy móc và thiết bị kho xăng dầu.
- Dịch vụ súc rửa, vệ sinh tàu dầu, thu gom xử lý cặn dầu, dầu lẫn nước (không hoạt động tại trụ sở).
- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại, rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).
- Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở).
- Hoạt động đại lý bảo hiểm.
- Bán buôn sắt thép tấm, lá dãi, sắt thép dạng hình. Mua bán kim loại màu, sắt thép.
- Bán buôn cao su, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Kinh doanh vật tư, thiết bị giàn khoan và các thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí, ngành thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.
- Trong từng thời kỳ hoạt động, tùy theo yêu cầu phát triển Công ty có thể mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Vận tải Xăng dầu Đường sông, được thành lập trên cơ sở sáp nhập Xí nghiệp Sửa chữa tàu Bình Chánh và bộ phận vận tải xăng dầu đường sông của Công ty Vận tải Xăng dầu (VITACO), Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính là sửa chữa, đóng tàu và vận tải xăng dầu đường sông.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đồng thời tạo ra động lực phát triển mới cho các doanh nghiệp, năm 1999 Xí nghiệp Vận tải Xăng dầu Đường sông được chuyển thành Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex theo Quyết định số 151/1999/QĐ – TTG của Thủ tướng Chính phủ. Công ty là thành viên của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, hoạt động với mức vốn điều lệ ban đầu là 13,5 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam góp 30%, phần còn lại là của các cổ đông trong công ty và của các cổ đông khác ở các đơn vị thành viên Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.

Sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty đã nỗ lực phát triển và duy trì các hoạt động kinh doanh truyền thống như sửa chữa, đóng tàu và vận tải xăng dầu đường sông, đồng thời chuyển mạnh sang vận tải xăng dầu ven biển. Đây có thể nói là một bước đi chiến lược của Công ty, nhờ đó đã tạo những bước phát triển mạnh cả về quy mô đội vận tải cũng như thị trường vận tải xăng dầu của Công ty. Năm 2000, Công ty đã đầu tư hoá cải hai tàu sông thành tàu chạy ven biển có trọng tải 750 tấn và 338 tấn. Năm 2003, Công ty tiếp tục hoá cải một tàu sông thành tàu chạy ven biển có trọng tải 600 tấn; Năm 2004, đầu tư mua một tàu chạy ven biển có trọng tải 700 tấn; năm 2006 Công ty đã đầu tư mua một tàu ven biển trọng tải 2.427 tấn, cho đến nay đội tàu chạy ven biển của Công ty hoạt động đạt hiệu quả

cao đã cho thấy rằng hướng đầu tư phát triển vận tải ven biển của công ty là hợp lý và đúng đắn. Ngoài ra, để nâng cao phát triển thị trường vận tải đường sông và nâng cao chất lượng đội tàu, năm 2006, Công ty đã đầu tư mua hai tàu sông có trọng tải 1.000 tấn có chất lượng và tính năng kỹ thuật cao, và đầu tư đóng mới 02 tàu sông trọng tải 1000 tấn/chiếc (Xí nghiệp của Công ty đóng). Năm 2008 Công ty đầu tư mua 01 tàu ven biển vận chuyển hàng khô có trọng tải 3.242 tấn và 01 tàu vận chuyển xăng dầu ven biển có trọng tải 1.600 tấn. Năm 2010 Công ty đầu tư mua 02 tàu vận chuyển xăng dầu ven biển: Tàu Long Phú 03 trọng tải 1700 DWT và tàu Long Phú 04 có trọng tải 2.800 DWT. Năm 2011 Công ty bán tàu biển vận tải hàng khô trọng tải 3.242 tấn để tập trung lĩnh vực vận tải cảng dầu các loại, không tham gia vận tải các loại hàng hóa khác. Năm 2012, Công ty đầu tư mua thêm 3 tàu chở xăng dầu trong đó có 01 tàu biển Long Phú 09 trọng tải 4.993 DWT. Năm 2013, Công ty thanh lý tàu Long Phú 02, đầu tư mua nhập khẩu tàu Long Phú 10 trọng tải 7.725 DWT, đạt tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật của cảng dầu quốc tế. Năm 2014, Công ty tiếp tục đầu tư mua tàu Long Phú 18 trọng tải 4.999 DWT. Các tàu đã hoạt động hiệu quả cao, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

Bên cạnh việc phát triển kinh doanh vận tải xăng dầu, Công ty tiếp tục phát triển và mở rộng thị trường sửa chữa đóng mới tàu, tăng cường công tác tiếp thị, đưa ra mức giá có tính cạnh tranh so với các đơn vị khác. Tăng tính chủ động trong kinh doanh cho Xí nghiệp Sửa chữa Đóng tàu Bình Chánh, Công ty đã quyết định nâng cấp từ hoạch toán báo sổ thành hạch toán kế toán phụ thuộc, và đổi tên thành Xí nghiệp Sửa chữa Đóng tàu - Thương mại Petrolimex.

Tháng 4/2005, Công ty đầu tư san lấp mặt bằng và cơ sở hạ tầng cho khu đất rộng 20.000m² tại bờ băng Phú Xuân Nhà Bè và thành lập Xưởng Sửa chữa tàu - Kho cảng Phú Xuân. Tuy mới thành lập nhưng Xưởng đã hoạt động ổn định và Công ty đang tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho Xưởng. Công ty triển khai xây dựng cơ sở xử lý chất thải trực thuộc Xí nghiệp Sửa chữa đóng tàu Thương mại Petrolimex, góp phần vào sự phát triển lĩnh vực sửa chữa đóng mới tàu nói riêng và hoạt động kinh doanh của Công ty nói chung.

Khi Công ty được thành lập, mức vốn điều lệ là 13.500.000.000 (mười ba tỷ năm trăm triệu) đồng. Mức vốn khiêm tốn này không đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động kinh doanh, gây khó khăn cho sự phát triển của Công ty. Do vậy vào năm 2003, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 14.596.000.000 (mười bốn tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu) đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam chiếm 35% vốn điều lệ. Năm 2004, vốn điều lệ của Công ty là 19.370.000.000 (mười chín tỷ ba trăm bảy mươi triệu) đồng, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21% vốn điều lệ. Năm 2006 vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 35.000.000.000 (ba mươi lăm tỷ) đồng, Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam nắm giữ 51,21% vốn điều lệ. Năm 2008, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 70 tỷ đồng, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam chiếm 51,21%; Năm 2009; vốn điều lệ của Công ty tăng lên 84 tỷ đồng, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (năm 2012 là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) chiếm 51,21% vốn điều lệ. Năm 2013, vốn điều lệ Công ty là

96.599.020.000 đồng, trong đó Tập đoàn xăng dầu Việt Nam chuyển giao quyền quản lý vốn Nhà nước cho Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam), Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex trở thành cổ đông chi phối với tỷ lệ sở hữu cổ phần là 51,21% vốn điều lệ. Năm 2014, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 108.172.380.000 đồng, trong đó Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex sở hữu tỷ lệ cổ phần là 51,22% vốn điều lệ.

Căn cứ vào điều kiện thực tế của Công ty, kết hợp với việc nghiên cứu các cơ hội phát triển của ngành nói chung cũng như của Công ty nói riêng, Công ty đã chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực,... và xác định mục tiêu phát triển là phát triển theo hướng đa ngành nghề kinh doanh có chọn lọc, trong đó, ngành vận tải xăng dầu là trọng tâm, ưu tiên phát triển đội tàu vận tải biển, đồng thời phát triển các hoạt động kinh doanh khác một cách hợp lý và hiệu quả.

Một số hình ảnh về Công ty:

Hình ảnh đội tàu biển PJTACO

Đội tàu biển PJTACO gồm các tàu sau:

Tên tàu	Trọng tải (tấn)	Giá trị còn lại (đồng)
Long Phú 3	1.405	1.046.962.040
Long Phú 4	2.509	1.507.876.052
Long Phú 8	1.657	(đã khấu hao hết)
Long Phú 9	4.993	8.447.466.650
Long Phú 10	7.725	97.284.451.951
Long Phú 18	4.999	58.477.648.515
Cộng	25.715	166.764.405.208





Đội tàu sông PJTACO

Đội tàu sông của PJTACO gồm các tàu sau

Tên tàu	Trọng tải (tấn)	Giá trị còn lại
Hàm luông 02	1.020	(đã khấu hao hết)
Hàm luông 04	1.000	(đã khấu hao hết)
Hàm luông 08	1.020	(đã khấu hao hết)
Hàm luông 09	1.000	(đã khấu hao hết)
Hàm luông 10	1.400	882.859.662
Hàm luông 12	730	2.040.849.762
Hàm luông 14	730	2.040.849.762
Hàm luông 16	1.100	2.214.654.768
Phú Xuân 01	400	(đã khấu hao hết)
Cộng	8.400	7.179.213.954



Lĩnh vực sửa chữa, đóng mới tàu

Từ năm 2000 đến nay Công ty đã sửa chữa, đóng mới nhiều tàu, salan các loại. Do có điều kiện về bến bãi, được đầu tư triển đả và Ụ đốc phù hợp, có đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ - công nhân có tay nghề cao, nhiều năm kinh nghiệm nên Công ty có ưu thế về công tác đóng mới.

Khả năng đóng mới:

- Đóng mới các loại tàu sông và tàu biển có tải trọng trên 1.000 tấn
- Đóng mới các loại Salan đi sông và đi biển có tải trọng 2.000 tấn
- Đóng mới các loại Tàu kéo sông và biển có công suất 2.500 CV
- Đóng mới các loại Tàu khách sức chứa 300 khách
- Đóng mới các loại Tàu công trình như Tàu Cuốc, Tàu hút bùn, Tàu cẩu
- Gia công và chế tạo một số thiết bị công nghiệp khác



Đóng mới tàu

Khả năng sửa chữa:

- Sửa chữa các loại Tàu sông và biển có tải trọng trên 1.000 tấn
- Sửa chữa các loại Salan đi sông và biển có tải trọng tới 1.500 tấn
- Sửa chữa các loại Tàu kéo sông và biển có công suất 3.000 CV
- Sửa chữa các loại Tàu khách sức chứa tới 500 khách
- Sửa chữa các loại Tàu công trình như tàu Cuốc, Tàu hút bùn, Tàu cẩu,..
- Sửa chữa các loại dàn khoan và tàu trên biển
- Có khả năng sửa chữa đầu bến được tất cả các loại tàu

Hoạt động xuất nhập khẩu

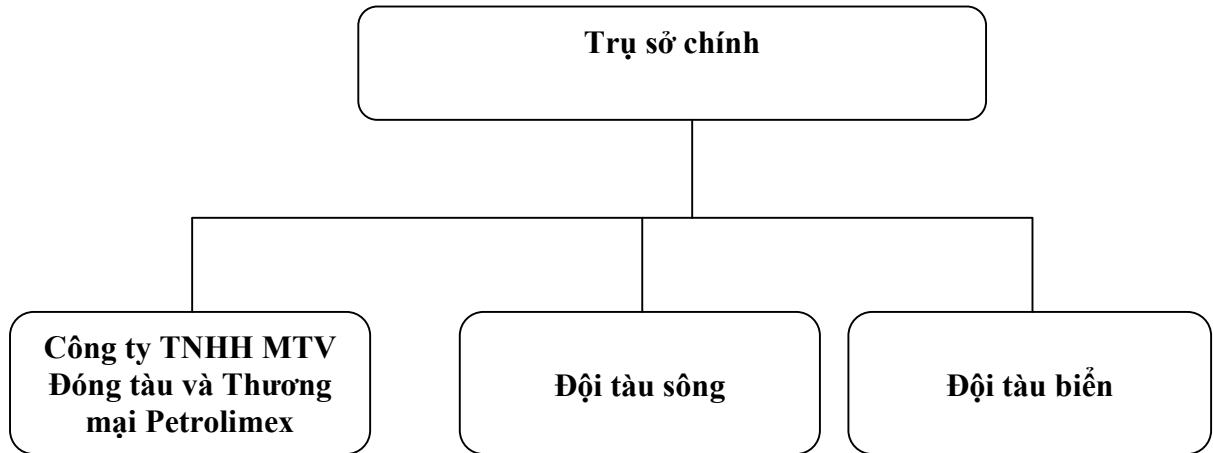
PJTACO là thành viên của Hiệp Hội Cao Su Việt Nam. Năm 2006 Công ty được Bộ Thương Mại bình chọn là 1 trong 20 doanh nghiệp xuất khẩu cao su xuất sắc nhất của Việt Nam và trao bằng khen "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín"

Các sản phẩm cao su Công ty xuất khẩu:

- Cao su SVR 3L
- Cao su SVR 5L
- Cao su SVR 10
- Cao su SVR 20
- CV 50, CV 60

3. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, các Luật khác và điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Biểu đồ 1 – Sơ đồ tổ chức của Công ty**Trụ sở chính**

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08 3899 1101

Fax: 08 3512 1775

Công ty con:

Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex

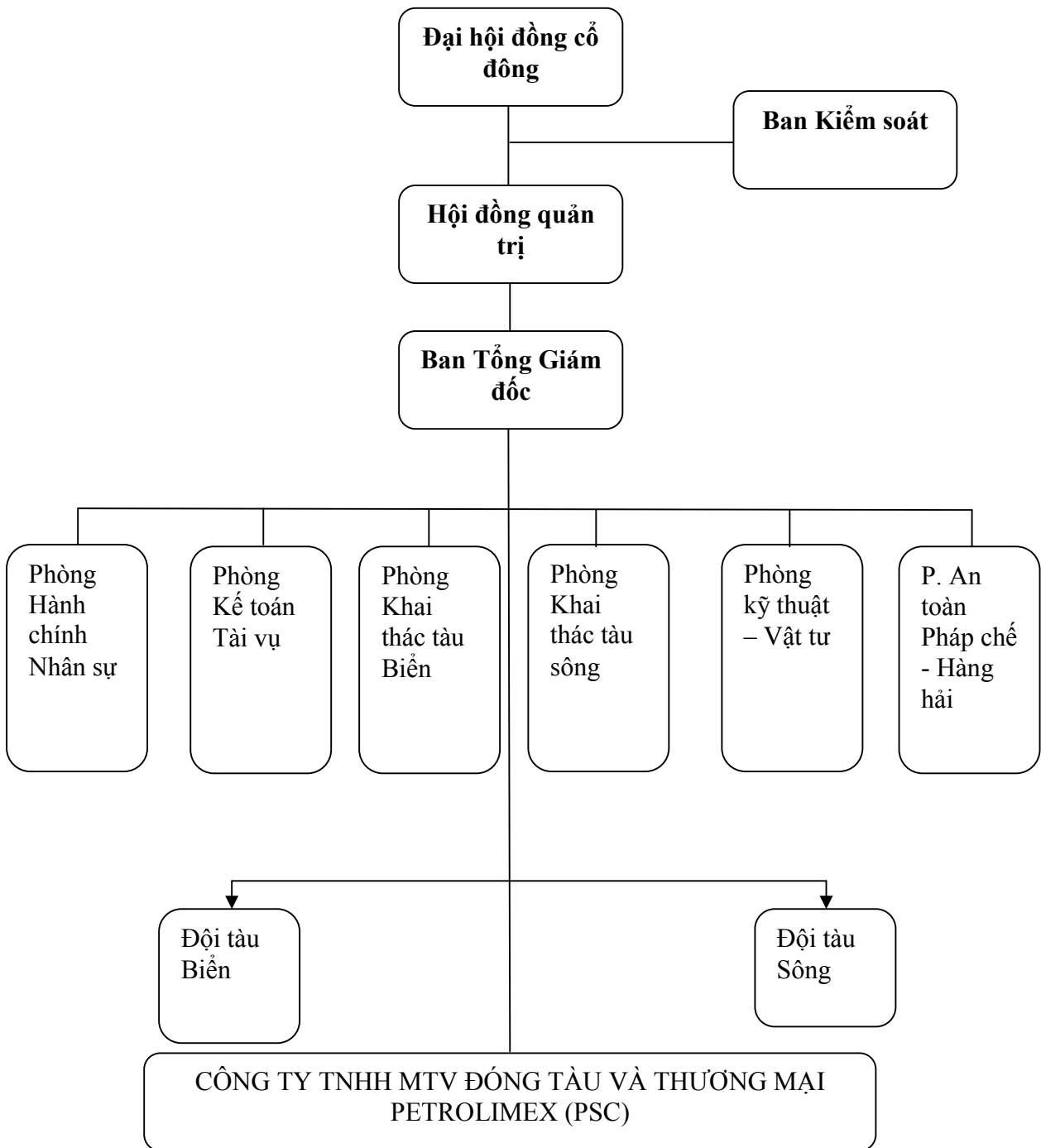
Địa chỉ: 70 Đường 20, Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Được thành lập ngày 08. tháng 12 năm 2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305399597 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp với vốn điều lệ đăng ký là 10.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến thời điểm hiện tại là 10.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sửa chữa, đóng mới các phương tiện thủy.

Đội tàu sông**Đội tàu biển****4. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty**

Biểu đồ 2 – Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty...

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty quy định. HĐQT của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Ông Phan Văn Kỳ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Việt Khoa	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Đặng Thị Xuân Hương	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Văn Long	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Phan Văn Cầu	Thành viên Hội đồng quản trị

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên với nhiệm kỳ mỗi thành viên là 05 năm.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

Ông Hoàng Anh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Ngọc Sinh	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Trần Văn Trọng	Thành viên Ban kiểm soát

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc hiện gồm 4 thành viên, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động hàng ngày của Công ty; đề xuất các kế hoạch, chính sách, biện pháp, nội dung các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với HĐQT. Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm và các nhiệm vụ do HĐQT giao, chỉ đạo, phê duyệt.

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Bà Đặng Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hoàng Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc

4.5. Các phòng ban chức năng**Phòng Hành chính - Nhân sự:**

- Tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty;
- Quản lý hồ sơ lý lịch CBCNV toàn Công ty, giải quyết các thủ tục và chế độ tuyển dụng, thôi việc, bãi miễn, kỷ luật, khen thưởng, hưu trí;
- Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ tay nghề cho CBCNV, bảo hộ lao động;
- Quản lý lao động, tiền lương CBCNV, xây dựng các định mức lao động, đơn giá tiền lương;
- Quản lý công văn đi, đến, sổ sách hành chính và con dấu;
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về nội quy lao động, đảm bảo an toàn trong quá trình lao động;
- Thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự trong Công ty;
- Tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc triển khai sử dụng các máy móc, phần mềm trong lĩnh vực tin học;
- Phụ trách hệ thống tin học trong toàn Công ty.

Phòng Kế toán – Tài vụ:

- Quản lý công tác tài chính kế toán tại Công ty theo Luật kế toán và các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực tài chính kế toán;
- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán;
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty;
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật;
- Xử lý các dữ liệu từ phòng Tài chính kế toán, nghiên cứu và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty dựa trên các số liệu Tài chính - Kế toán;

- Cùng các phòng nghiệp vụ tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc ký kết các hợp đồng kinh tế.

Phòng Khai thác tàu biển:

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo, quản lý, điều hành các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, bao gồm:

- Chiến lược kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển của Công ty.
- Tổ chức quản lý, thực hiện kế hoạch kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển của Công ty.
- Tổ chức, quản lý, khai thác thị trường vận tải biển.
- Tổ chức, quản lý, khai thác đội tàu biển.
- Tổ chức, quản lý chi phí trong kế hoạch vận tải biển.

Phòng khai thác tàu Sông:

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo, quản lý, điều hành các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, bao gồm:

- Chiến lược kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường sông của Công ty.
- Tổ chức quản lý, thực hiện kế hoạch kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường sông nội địa và quốc tế của Công ty.
- Tổ chức, quản lý, khai thác thị trường vận tải sông.
- Tổ chức, quản lý, khai thác đội tàu biển.
- Tổ chức, quản lý chi phí trong kế hoạch vận tải sông.
- Tổ chức quản lý, thực hiện kế hoạch cung ứng nhiên liệu, mở nhờn cho đội tàu Công ty, kinh doanh thương mại, mua bán xăng dầu, cung ứng và bán bunker.

Phòng kỹ thuật - vật tư:

- Chức năng kế hoạch:
- + Lập các kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa đội tàu theo chu kỳ và tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch.
- + Lập kế hoạch dự trù chi phí thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, vật tư hàng năm,
- + Phối hợp với các phòng nghiệp vụ để lập kế hoạch cung ứng nhiên liệu cho đội tàu Công ty.
- + Phối hợp với Phòng An toàn-Pháp chế Hàng hải lập kế hoạch vetting cho đội tàu và thực hiện khắc phục khiếm khuyết về kỹ thuật – công nghệ.
- + Đề xuất và thực hiện kế hoạch mua bảo hiểm cho đội tàu, xe con, văn phòng công ty.

- Chức năng về công tác đầu tư :
- + Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong công tác tìm kiếm, lựa chọn và quản lý kỹ thuật - công nghệ các dự án đầu tư.
- + Tham mưu xây dựng chiến lược qui hoạch, phát triển, trẻ hóa đội tàu trong dài hạn, trung hạn, ngắn hạn.
- Chức năng kỹ thuật – công nghệ của Công ty:
- + Quản lý toàn diện về công nghệ, kỹ thuật của Công ty, bao gồm: đội tàu, cửa hàng xăng dầu, xe con, kho vật tư, văn phòng công ty.
- + Quản lý toàn bộ hồ sơ đăng kiểm, sách hướng dẫn, bản vẽ, thông số kỹ thuật của từng tàu.
- + Tổ chức quản lý công tác cung ứng vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu, công cụ, dụng cụ bảo hộ lao động cho đội tàu, xe con, cửa hàng xăng dầu.
- + Quản lý công tác kỹ thuật, thi công sửa chữa, tiến độ, chất lượng của vật tư, trang thiết bị, sản phẩm sửa chữa, tiến độ sửa chữa đối của các đối tác cung ứng cho công ty.

Phòng An toàn - Pháp chế hàng hải

- Tổ chức, quản lý, điều hành công tác an toàn của Công ty, gồm: An toàn hàng hải, An toàn kỹ thuật, An toàn lao động, Phòng cháy chữa cháy, An toàn môi trường.
- Tổ chức, quản lý, điều hành công tác pháp chế của Công ty, gồm: pháp chế về hàng hải; Pháp chế liên quan đến hoạt động của Công ty, Pháp chế về lao động, tiền lương, bảo hiểm.
- Tổ chức, quản lý, điều hành công tác thanh tra của Công ty: Thanh tra, kiểm tra về an toàn, pháp chế hàng hải; Thanh tra việc chấp hành pháp luật, qui định của Nhà nước và điều lệ, qui chế, qui định của Công ty.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tính đến thời điểm hiện tại

- **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Bảng 1 - Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

của Công ty tính đến thời điểm hiện tại

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)

Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex	Số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	5.540.858	55.408.580	51,22%
America LLC	PO Box CR – 56766 Suite NAS485, Nassau Bahamas	1.379.899	13.798.990	12,76%
Phan Văn Cầu	63 Đường 17, KP3, P. Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	612.120	6.121.200	5,66%
Tổng cộng		7.532.877	75.328.770	69,64%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty PJT chốt ngày 16/12/2016 do VSD cung cấp)

• **Danh sách cổ đông là người có liên quan**

Theo quy định tại khoản 34 điều 6 Luật Chứng khoán thì người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Công ty mẹ, công ty con;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Bảng 2 - Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn

Tên cổ đông	Quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Người có liên quan với Ông Phan Văn Cầu				
Nguyễn Thị Oanh	Vợ	Thạch Vĩnh, Thạch Hà, Hà Tĩnh	0	0
Phan Thị Hồng	Chị Ruột	Thạch Vĩnh, Thạch Hà, Hà Tĩnh	0	0
Phan Thị Hường	Chị Ruột	Thạch Vĩnh, Thạch Hà, Hà Tĩnh	0	0
Phan Thị Loan	Chị Ruột	Thị Trấn Cày, Thạch Hà, Hà Tĩnh	0	0
Phan Thị Hương Giang	Con Ruột	Thạch Vĩnh, Thạch Hà, Hà Tĩnh	0	0
Người có liên quan với Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex				

Không có
Người có liên quan với American LLC
Không có

(Nguồn: PJT)

5.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp năm 2014, cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng số cổ phần sáng lập của mình trong thời hạn là 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu (ngày 30 tháng 09 năm 1999).

Đến thời điểm hiện nay, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực. Do đó, danh sách cổ đông sáng lập sẽ không liệt kê dưới đây, theo quy định của Phụ lục 02 Mẫu Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng, ban hành kèm theo thông tư số 162/2015/TT - BTC ngày 26/10/2015.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 16/12/2016

Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	2.755	9.221.000	93.262.570	85,24
1. Cổ đông tổ chức	34	5.772.646	57.726.460	53,36
2. Cổ đông cá nhân	2.721	3.448.354	34.483.540	31,88
II. Cổ đông nước ngoài	53	1.596.238	15.962.380	14,75
1. Cổ đông tổ chức	07	1.458.627	14.586.270	13,48
2. Cổ đông cá nhân	46	137.611	1.376.110	1,27
III. Cổ phiếu Quỹ	0	0	0	0
Tổng cộng	2.824	10.817.238	108.172.380	100

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 16/12/2016 của PJT do VSD cung cấp)

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

6.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

TT	Tên Công ty	Trụ sở	Giấy	Ngành nghề kinh	Giá trị vốn	Tỷ lệ sở hữu tại
----	-------------	--------	------	-----------------	-------------	------------------

	con		CNĐKDN	doanh	góp tại PJT (nghìn đồng)	PJT (%)
1	Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	Số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	0106116043 cấp ngày 7/3/2013	Vận tải xăng dầu đường thủy	55.408.580	51,22%

6.2. Danh sách những Công ty con của Công ty

TT	Tên Công ty con	Trụ sở	Giấy CNĐKDN	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu của PJT (%)
1	Công ty TNHH MTV Đóng Tàu và Thương mại – Petrolimex	70 Đường 20, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP.HCM	0305399597	Dịch vụ đóng mới, nâng cấp, sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy, sửa chữa giàn khoan	10.000.000	100

(Nguồn: Theo Giấy CNĐKKD của Công ty TNHH MTV
Đóng tàu – TM Petrolimex)

6.3. Danh sách Công ty liên doanh, liên kết

Không có

6.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có

7. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty:

Toàn bộ quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
Thành lập 30/09/1999		13.500.000		Sở KHĐT

01/07/2003	1.096.000	14.596.000	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đầu tư góp vốn thêm.	Sở KHĐT
24/04/2004	4.774.000	19.370.000	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đầu tư góp vốn thêm.	Sở KHĐT
28/04/2006	15.630.000	35.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN
31/01/2008	35.000.000	70.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN
08/07/2011	14.000.000	84.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng	UBCKNN
10/10/2013	12.599.020	96.599.020	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng	UBCKNN
11/08/2014	9.573.360	108.172.380	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng	UBCKNN

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex).

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Hiện nay, Công ty đang tiến hành các hoạt động chủ yếu sau:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường sông nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh đại lý vận tải đường biển, đường sông;
- Kinh doanh xăng dầu, sản phẩm hoá dầu, cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ;
- Đóng mới và sửa chữa tàu thủy.

8.2. Giá trị sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 3 - Cơ cấu doanh thu theo khoản mục của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Khoản mục	Năm 2014	Năm 2015	9 tháng đầu năm 2016
-----------	----------	----------	----------------------

	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Kinh doanh xăng dầu	12.376.280	3,62	3.572.823	1,04	27.593.903	10,79
Dịch vụ vận tải	329.122.761	96,38	340.037.944	98,96	227.963.880	89,21
Tổng doanh thu thuần	341.499.041	100	343.610.767	100	255.557.783	100

(Nguồn: CTCP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex)

Bảng 4 - Cơ cấu doanh thu theo khoản mục của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng đầu năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Kinh doanh xăng dầu	12.463.120	3,35	3.572.823	0,96	28.020.053	9,72
Dịch vụ vận tải	328.922.761	88,53	340.037.944	91,05	227.963.880	79,08
Dịch vụ sửa chữa	30.155.298	8,12	29.837.419	7,99	33.728.540	11,20
Tổng doanh thu thuần	371.541.179	100	373.448.186	100	289.712.473	100

(Nguồn: CTCP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex)

Bảng 5 - Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng loại hình doanh thu (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng đầu năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DT (%)

Kinh doanh xăng dầu	178.627	0,05%	4.764	0,00%	1.704.612	6,18%
Dịch vụ vận tải	32.514.900	9,52%	41.464.830	12,07%	36.068.405	15,82%
Tổng lợi nhuận	32.693.527	9,57%	41.469.594	12,07%	37.773.017	22%

(Nguồn: CTCP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex)

Bảng 6 - Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng loại hình doanh thu hợp nhất

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng đầu năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng/DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DT (%)
Kinh doanh xăng dầu	178.627	0.05%	4.764	0,00%	1.713.333	6,11%
Dịch vụ vận tải	32.514.900	8,75%	41.464.830	11,10%	36.068.405	15,82%
Dịch vụ sửa chữa	3.512.908	0,95 %	4.761.251	1,28%	3.729.998	11,06%
Tổng lợi nhuận	36.206.435	9,75%	46.230.845	12,38%	41.511.736	32,99%

(Nguồn: CTCP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex)

8.3. Nguyên vật liệu

a. Nguyên vật liệu cho kinh doanh vận tải

Nhiên liệu: Dầu DO và LO phục vụ cho các tàu chạy máy. Nguồn nhiên liệu này được Công ty Xăng dầu khu vực II - Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam cung cấp ổn định.

Ảnh hưởng của giá nhiên liệu tới doanh thu lợi nhuận: Trong thời gian gần đây, giá xăng dầu thế giới tăng cao, dẫn đến giá xăng dầu trong nước liên tục tăng làm cho chi phí vận tải của Công ty tăng lên, trong khi đó theo chỉ thị của Chính phủ, các Công ty vận tải vẫn tiếp tục phải kiểm giữ giá và bù vào chỗ thiếu hụt bằng cách giảm thời gian khấu hao tài sản cũng như cắt bớt các khoản chi phí khác.

b. Nguyên vật liệu phục vụ cho kinh doanh sửa chữa đóng tàu

Nguồn cung cấp: Nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho kinh doanh sửa chữa đóng tàu là có sẵn và ổn định tại thị trường Việt Nam.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận của kinh doanh sửa chữa đóng tàu: giá cả nguyên vật liệu tăng hay giảm không ảnh hưởng tới lợi nhuận kinh doanh vì giá cả tăng hay giảm các chủ tàu (khách hàng) phải chịu.

c. Nguyên vật liệu cho kinh doanh xăng dầu.

Nguồn cung cấp: Nguồn nhiên liệu (xăng dầu) bán cho khách hàng được mua từ Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam, do vậy về mặt nguồn cung cấp đầu vào là đảm bảo cho hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty.

Ảnh hưởng của giá nhiên liệu tới doanh thu kinh doanh xăng dầu: Thị trường xăng dầu Việt Nam ảnh hưởng rất lớn từ thị trường xăng dầu thế giới do toàn bộ lượng xăng dầu tiêu thụ ở trong nước phải nhập khẩu. Những biến động về giá dù tăng hay giảm đều ảnh hưởng tới doanh thu của các đơn vị kinh doanh xăng dầu khắp cả nước.

8.4. Chi phí sản xuất

Bảng 7 - Cơ cấu chi phí theo khoản mục của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng đầu năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
Giá vốn hàng bán	308.805.515	90,43%	302.141.173	87,93%	217.784.766	85,22%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.744.963	3,44%	11.561.887	3,36%	9.251.358	3,62%
Chi phí tài chính	8.093.565	2,37%	11.063.805	3,22%	4.218.837	1,65%
Chi phí bán hàng	314.029	0,09%	-	-	712.392	0,28%
Chi phí khác	3.096.448	0,91%	882.946	0,26%	1.565.671	0,61%
Tổng Chi phí	332.054.520	97,23%	325.649.811	94,77%	233.533.024	91,38%

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2014; năm 2015 đã kiểm toán; Báo cáo tài chính riêng quý III/2016 do PJT lập)

Bảng 8 - Cơ cấu chi phí theo khoản mục của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng đầu năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng/D TT(%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT(%)	Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)
Giá vốn hàng bán	335.334.744	90,26%	327.217.342	87,62%	248.200.736	85,67%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.919.524	3,75%	14.562.631	3,90%	11.320.082	3,91%
Chi phí tài chính	8.093.565	2,18%	11.070.174	2,96%	4.246.686	1,47%
Chi phí bán hàng	310.179	0,08%	-	-	718.042	0,25%
Chi phí khác	2.982.637	0,80%	682.093	0,18%	1.602.770	0,55%
Tổng Chi phí	360.640.649	97,07%	353.532.240	94,67%	266.088.316	91,85%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014; năm 2015 đã kiểm toán; Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2016 do PJT lập)

8.5. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Kể từ khi thành lập cho tới nay, Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường Thủy Petrolimex luôn luôn chú trọng đến công tác đầu tư công nghệ, máy móc hiện đại để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Cụ thể:

Năm 2000, Công ty đã đầu tư hoá cải hai tàu sông thành tàu chạy ven biển có trọng tải 750 tấn và 338 tấn.

Năm 2003, Công ty tiếp tục hoá cải một tàu sông thành tàu chạy ven biển có trọng tải 600 tấn;

Năm 2004, đầu tư mua một tàu chạy ven biển có trọng tải 700 tấn;

Năm 2006 Công ty đã đầu tư mua một tàu ven biển trọng tải 2.427 tấn, cho đến nay đội tàu chạy ven biển của Công ty hoạt động đạt hiệu quả cao đã cho thấy rằng hướng đầu tư phát triển vận tải ven biển của công ty là hợp lý và đúng đắn. Ngoài ra, để nâng cao phát triển thị trường vận tải đường sông và nâng cao chất lượng đội tàu, năm 2006, Công ty đã đầu tư mua hai tàu sông có trọng tải 1.000 tấn có chất lượng và tính năng kỹ thuật cao, và đầu tư đóng mới 02 tàu sông trọng tải 1000 tấn/chiếc (Xí nghiệp của Công ty đóng).

Năm 2008 Công ty đầu tư mua 01 tàu ven biển vận chuyển hàng khô có trọng tải 3.242 tấn và 01 tàu vận chuyển xăng dầu ven biển có trọng tải 1.600 tấn,

Năm 2010 Công ty đầu tư mua 02 tàu vận chuyển xăng dầu ven biển: Tàu Long Phú 03 trọng tải 1700 DWT và tàu Long Phú 04 có trọng tải 2.800 DWT.

Năm 2011 Công ty bán tàu biển vận tải hàng khô trọng tải 3.242 tấn để tập trung lĩnh vực vận tải cảng dầu các loại, không tham gia vận tải các loại hàng hóa khác.

Năm 2012, Công ty đầu tư mua thêm 3 tàu chở xăng dầu trong đó có 01 tàu biển Long Phú 09 trọng tải 4.993 DWT.

Năm 2013, Công ty thanh lý tàu Long Phú 02, đầu tư mua nhập khẩu tàu Long Phú 10 trọng tải 7.725 DWT, đạt tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật của cảng dầu quốc tế.

Năm 2014, Công ty tiếp tục đầu tư mua tàu Long Phú 18 trọng tải 4.999 DWT.

Trong năm 2015, Công ty không có các khoản đầu tư lớn nào. Dự án đầu tư mua tàu dưới 10.000 DWT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 chưa hoàn thành do Công ty chưa thu xếp được nguồn vốn đầu tư.

Năm 2016, Công ty bán thanh lý tàu Long Phú 06 trọng tải 2420 DWT.

Trong những năm qua, mặc dù nền kinh tế có nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới nhưng Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex vẫn hoạt động hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận luôn mức cao và tăng trưởng. Năm 2013, doanh thu thuần Công ty đạt gần 355 tỷ, lợi nhuận sau thuế đạt trên 11 tỷ đồng; năm 2014, doanh thu thuần đạt trên 371 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt trên 15 tỷ đồng, năm 2015 doanh thu thuần đạt trên 373 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt gần 19 tỷ đồng.

8.6. Hoạt động Marketing

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty mang tính đặc trưng do vậy Công ty không có bộ phận độc lập chuyên làm nhiệm vụ tiếp thị. Hoạt động tiếp thị của Công ty được giao cho các đơn vị kinh doanh trực tiếp triển khai thực hiện nhiệm vụ tiếp thị với khách hàng các sản phẩm mà đơn vị kinh doanh.

Ngoài ra, Công ty là thành viên của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, với uy tín của thương hiệu Petrolimex, Công ty đã được khách hàng tin tưởng, đồng thời trong quá trình hoạt động đã tạo được uy tín đối với khách hàng.

8.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Nhãn hiệu thương mại: Thực hiện nhất thể hóa trong nhận diện thương hiệu đối với các đơn vị thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Công ty sử dụng nhãn hiệu thương mại có hình chữ “P” thể hiện công ty là thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, được khách hàng tin tưởng.

- Logo của Công ty



8.8. Các hợp đồng lớn đã thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9 - Các hợp đồng lớn PJT đã ký kết và đang thực hiện

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị (triệu đồng/năm)	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Đối tác ký hợp đồng
1	Hợp đồng vận chuyển	Vận tải xăng dầu	263.324	30/12/2013	Năm 2015	Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam
2	Hợp đồng vận chuyển	Vận tải xăng dầu	61.519	25/12/2013	Năm 2015	CTy TNHH MTV Dầu Khí TP.HCM
3	Hợp đồng vận chuyển	Vận tải xăng dầu	18.947	1/01/2015	Năm 2015	CTy Xăng Dầu KV2-TNHH MTV
4	Hợp đồng vận chuyển	Vận tải xăng dầu	15.949	01/2014	Năm 2015	Cong ty CP Nhiên Liệu Bay Petrolimex
5	Hợp đồng vận chuyển	Vận tải xăng dầu	2.488	30/12/2014	Năm 2015	CTy CP Xăng Dầu Sông Châu
6	Hợp đồng	Đóng mới	8.029	16/3/2015	Năm 2015	Công ty CP

	đóng mới					Xây dựng Tân Cảng Số 01
7	Hợp đồng đóng mới	Đóng mới tàu hàng 1.500	15.602	24/7/2015	Năm 2015, 2016	Công Ty TNHH TM – XD – SX Phương Nga
8	Hợp đồng Sửa chữa tàu	Sửa chữa tàu Bình Thuận 18	3.957	27/3/2016	Năm 2016	Ban Quản Lý Cảng Phú Quý
9	Vận chuyển	Vận chuyển dầu DO tàu Chí Linh	4.502	01/09/2015	Năm 2016	Xí Nghiệp Liên doanh Việt Nga (Vietsopetro)
10	Hợp đồng Đóng mới	Đóng mới xà lan đặt cầu 1.000T	2.278	10/10/2014	Năm 2015	Công ty Vận Tải Sông Biển Hồng Ngọc

(Nguồn: PJT)

9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của công ty năm 2014-2016

Bảng 10 - Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của PJT (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	30/09/2016
Tổng giá trị tài sản	277.569.839	275.217.194	-0,85%	294.125.446
Doanh thu thuần	341.499.041	343.610.767	0,62%	255.557.783
Lợi nhuận từ HĐKD	14.610.066	22.004.699	50,61%	27.385.281
Lợi nhuận khác	4.881.438	1.471.728	-69,85%	4.700.929

Lợi nhuận trước thuế	19.491.505	23.476.427	20,44%	32.086.210
Lợi nhuận sau thuế	15.122.485	18.449.846	22,00%	25.845.501
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	64,38%	58,63%	-8,93%	-
Tỷ lệ cổ tức	9%	10%	11,11%	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2014; năm 2015 đã kiểm toán ; Báo cáo tài chính riêng quý III/2016 do PJT lập)

Bảng 11 - Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của PJT (Hợp nhất)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	30/09/2016
Tổng giá trị tài sản	286.279.880	288.574.652	0,80%	305.831.274
Doanh thu thuần	371.541.179	373.448.187	0,51%	289.712.473
Lợi nhuận từ HĐKD	14.866.947	22.422.548	50,82%	27.490.826
Lợi nhuận khác	5.215.021	1.672.627	-67,93%	4.691.103
Lợi nhuận trước thuế	20.081.968	24.095.175	19,98%	32.181.929
Lợi nhuận sau thuế	15.307.818	18.612.422	21,59%	25.552.810
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	63,60%	58,12%	-8,62%	-
Tỷ lệ cổ tức	9%	10%	11,11%	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014; năm 2015 đã kiểm toán ; Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2016 do PJT lập)

9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

9.2.1. Những nhân tố thuận lợi

- Nền kinh tế đang tiếp tục trên đà phục hồi tạo cơ hội cho Công ty mở rộng quy mô và mạng lưới hoạt động, góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận trong năm qua.
- Công ty đã nhận được sự chỉ đạo và hỗ trợ từ Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam, Tổng Công

ty Vận tải thủy Petrolimex và sự phối hợp của các đơn vị trong cùng hệ thống Petrolimex; Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy khối Doanh nghiệp Thương mại Trung ương tại TP. Hồ Chí Minh.

- Ban lãnh đạo Công ty thống nhất trong chỉ đạo, lãnh đạo các mặt hoạt động của Công ty; Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất; Tổng Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành Công ty một cách quyết liệt, khoa học, tận dụng các cơ hội, lợi thế của Công ty và có các giải pháp kinh doanh hiệu quả.
- Lãi suất có xu hướng hạ nhiệt và ổn định, do vậy Công ty hạn chế được rủi ro về tỷ giá và giảm lãi suất phải trả cho nguồn vốn vay từ ngân hàng.

9.2.2. Những nhân tố khó khăn

- Nguồn lực về tài chính và cơ sở vật chất của Công ty còn hạn chế; Tỷ trọng tàu già, trọng tải nhỏ trong cơ cấu đội tàu còn chiếm tỷ lệ tương đối cao.
- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đạt yêu cầu phát triển ngày càng cao của Công ty;

10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex trong ngành

Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex là thành viên của Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Tổng Công ty xăng dầu đường thủy Petrolimex nắm giữ cổ phần chi phối (51,22%) tại Công ty. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chiếm vị trí đặc biệt quan trọng đối với nền kinh tế đất nước, uy tín và tầm quan trọng của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam là điều đã được khẳng định không chỉ trong lãnh thổ Việt Nam mà cả trên trường quốc tế. Việc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam là cổ đông chi phối chính là sức mạnh và lợi thế của Công ty.

Luôn đạt mức doanh thu, lợi nhuận cao so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành trong những năm vừa qua, Công ty được Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam hết sức quan tâm và tạo điều kiện phát triển. Tại phía Nam, Công ty là đơn vị duy nhất của ngành cung cấp dịch vụ vận tải xăng dầu đường sông của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam. Hàng năm, Công ty vận chuyển một khối lượng lớn xăng dầu cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên về đường sông và ven biển, tạo được uy tín đối với các đơn vị thành viên khác của Tập đoàn.

Bên cạnh đó, Công ty làm đại lý xăng dầu cho Tập đoàn và hàng năm đã giúp Tập đoàn bán một khối lượng lớn xăng dầu ra thị trường.

Về lĩnh vực sửa chữa: Hàng năm Công ty đã sửa chữa cho nhiều tàu có trọng tải lớn vận tải xăng dầu đường biển của hai đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Khối lượng sửa chữa và thời gian sửa chữa đáp ứng được mọi yêu cầu của chủ tàu đề ra nên Công ty ngày càng khẳng định được uy tín của mình trong lĩnh vực này.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành vận tải xăng dầu là một ngành đang có cơ hội phát triển đều đặn, đảm bảo nguồn thu ổn định và thậm chí có cơ hội khẳng định vị thế trên trường quốc tế.

Dầu mỏ Việt Nam có chất lượng tốt và trữ lượng khoảng 4,4 tỷ thùng, chiếm 0,3% trữ lượng dầu mỏ được phát hiện của thế giới, cao thứ nhì Đông Á, thứ ba châu Á, thứ 28 trên thế giới. Việt Nam vừa là nước xuất khẩu dầu thô (có thể sẽ duy trì sản lượng khai thác dầu thô ở mức khoảng 340.000 thùng/ngày trong một vài năm tới, xếp thứ 36 trên thế giới về quy mô khai thác, và xếp thứ tư trong khối Đông - Nam Á về xuất khẩu dầu mỏ), lại vừa là nước nhập khẩu dầu thô và xăng dầu thành phẩm (nhu cầu tiêu thụ xăng, dầu của Việt Nam năm 2015 tăng 6% so với năm trước, ước khoảng 16,4 triệu tấn, với 50% được thỏa mãn từ nhập khẩu). Cùng với tốc độ tăng tiêu thụ xăng dầu trong nước, nhu cầu về vận tải xăng dầu nội địa cũng sẽ tăng tương ứng.

Theo báo cáo của Cục hàng hải Việt Nam thì chi phí nhiên liệu của ngành vận tải biển của Việt Nam chiếm tới từ 40% - 58% chi phí vận tải. Vì vậy khi giá dầu giảm mạnh thì ngành vận tải biển sẽ được hưởng lợi rất nhiều. Không như các ngành khác, khi giá dầu giảm thì chi phí đầu vào của ngành vận tải biển sẽ giảm ngay lập tức. Hơn nữa, khi giá xăng dầu mà giảm thì nhu cầu tiêu thụ xăng dầu sẽ tăng cao, kéo theo nhu cầu về vận tải xăng dầu nội địa cũng sẽ tăng. Với dự đoán giá dầu thế giới có thể tiếp tục giảm trong năm 2016 ngành vận tải biển, nhất là ngành vận tải xăng dầu sẽ là ngành đầy triển vọng trong thời gian tới

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chiếm một tỷ trọng rất cao trong việc cung cấp xăng dầu cho thị trường Việt Nam (đáp ứng khoảng 60% tổng nhu cầu thị trường). Tập đoàn khuyến khích các đơn vị thành viên phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu, vì thế việc Công ty đang triển khai việc mở rộng mạng lưới các cửa hàng bán lẻ xăng dầu là hoàn toàn hợp lý.

Nhu cầu sử dụng xăng dầu của nền kinh tế ngày càng tăng - lượng hàng hoá có nhu cầu được vận chuyển rất lớn, vì thế Công ty định hướng phát triển vận tải biển, vận tải sông là phù hợp và có nhiều thuận lợi trong kinh doanh vận tải.

Vì vậy, có thể nhận định chiến lược phát triển Công ty theo hướng đa ngành nhưng có chọn lọc, trong đó, trọng tâm là ngành vận tải xăng dầu, ưu tiên phát triển đội tàu vận tải biển, phát triển các hoạt động kinh doanh khác một cách hợp lý và có hiệu quả là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển vận tải biển của Việt Nam nói riêng cũng như định hướng chung của Nhà Nước.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động trong công ty

Tại thời điểm hiện tại, tổng số lao động trong Công ty là 400 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Loại lao động	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Phân loại theo trình độ		
▪ Trên Đại học	1	0.3%
▪ Đại học	76	20%
▪ Cao đẳng, trung cấp	158	41%
▪ Công nhân kỹ thuật	133	34%
▪ Lao động khác	19	4,7%
Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động		
▪ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	94	24%
▪ Hợp đồng lao động xác định thời hạn (1 - 3 năm)	200	52%
▪ Hợp đồng lao động xác định thời hạn (dưới 1 năm)	93	24%
Tổng cộng	<u>387</u>	<u>100%</u>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex)

11.2. Chính sách lương thưởng, trợ cấp, đào tạo

➤ **Chế độ làm việc:**

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần, chế độ nghỉ theo quy định của Luật lao động. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm đau thai sản được tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, nhà ăn sạch sẽ, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

➤ **Chính sách tuyển dụng và đào tạo:**

- Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuỳ

theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

- Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.
- Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:
 - + Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
 - + Đào tạo thường xuyên: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện,... Kết quả sau mỗi khoá đào tạo được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

➤ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người tạo được sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.
- Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động. Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tạo điều kiện cho công nhân viên đi nghỉ mát, nâng cao tinh thần và rèn luyện sức khoẻ.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Chưa có

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của PJT, tỷ lệ cổ tức sẽ do HĐQT đề xuất và ĐHCĐ quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.
- Tùy theo tình hình thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa năm nếu Hội đồng quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Công ty có thể đáp ứng nhưng không vượt quá mức cổ tức dự kiến.

Bảng 12 - Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2014 - 2015

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Tỷ lệ chi trả cổ tức	9%	10%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex)

13. Tình hình tài chính

13.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

13.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Vốn điều lệ	108.172.380	108.172.380	108.172.380
Thặng dư vốn cổ phần	518.666	518.666	518.666
Quỹ đầu tư phát triển	7.626.894	10.372.125	15.175.445
Lợi nhuận chưa phân phối	11.140.035	10.117.743	25.711.921
Nợ phải trả	158.821.905	159.393.738	156.252.861
Tổng nguồn vốn	286.279.880	288.574.652	305.831.274

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014; năm 2015 và BCTC hợp nhất quý III/2016 do PJT lập)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Vốn điều lệ	108.172.380	108.172.380	108.172.380
Thặng dư vốn cổ phần	518.666	518.666	518.666
Quỹ đầu tư phát triển	6.908.169	9.653.400	14.456.720
Lợi nhuận chưa phân phối	9.742.893	8.558.026	24.444.896
Nợ phải trả	152.227.731	148.314.722	146.532.784
Tổng nguồn vốn	277.569.839	275.217.194	294.125.446

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2014; năm 2015 và BCTC riêng quý III/2016 do PJT lập)

Kể từ khi thành lập cho tới nay, Công ty đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ để đầu tư tàu, mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh. Năm 2013, Công ty đầu tư mua nhập khẩu tàu Long Phú 10 trọng tải 7.725 DWT; năm 2014 Công ty tiếp tục đầu tư mua tàu Long Phú 18 trọng tải 4.999 DWT. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 108.817.238.000 đồng. Tổng nguồn vốn tại thời điểm 30/09/2016 của Công ty là 305.831.274 nghìn đồng (theo BCTC hợp nhất) và theo BCTC tổng hợp thì tổng nguồn vốn của Công ty là 294.125.446 nghìn đồng. Hiện tại, PJT có một công ty con là Công ty TNHH MTV Đóng tàu và thương mại Petrolimex và 01 đội tàu biển và 01 đội tàu sông

Trong những năm qua, Công ty hoạt động khá hiệu quả, quy mô vốn, giá trị tài sản, doanh thu và lợi nhuận đều có sự tăng trưởng mạnh. Cụ thể, theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán, năm 2015 tổng tài sản Công ty là trên 288 tỷ đồng, tăng 0,80% so với năm 2014, nguồn vốn chủ sở hữu 129 tỷ đồng, tăng 1,35 so với năm 2014, doanh thu thuần đạt 373 tỷ đồng, tăng 0,51% so với năm 2014, lợi nhuận sau thuế đạt gần 19 tỷ đồng, tăng 21,59% so với năm 2014; ROA đạt 6,48%, tăng 10,08% so với năm 2014; ROE đạt 14,50% tăng 16,26% so với năm 2014.

13.1.2. Khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 13 – Thời gian khấu hao của các loại tài sản

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Máy móc, thiết bị	03 năm

Phương tiện vận tải	07 – 11 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2015 của Công ty)

13.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 14 – Mức thu nhập bình quân tại Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường biển Petrolimex

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Tổng quỹ lương (đồng)	45.756.198.575	49.415.670.151
Mức thu nhập cao nhất	44.000.0000	48.000.000
Mức thu nhập thấp nhất	5.000.000	5.000.000
Mức thu nhập bình quân (đồng/tháng)	8.973.550	9.751.921

(Nguồn: Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường biển Petrolimex)

So với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trên cùng địa bàn, thì mức lương của Công ty ở mức trung bình khá.

13.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ, không có nợ quá hạn. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

13.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Nhà nước.

Bảng 15 – Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Thuế GTGT	563.264	283.970	1.371.785
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.623.517	898.015	2.380.953
Thuế thu nhập cá nhân	-	9.618	34.045
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	86.909

Tổng cộng	<u>2.186.781</u>	<u>1.191.602</u>	<u>3.873.693</u>
------------------	-------------------------	-------------------------	-------------------------

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014, 2015 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III/2016 do PJT lập)

13.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty thực hiện trích lập các quỹ như: quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Bảng 16 – Tình hình trích lập quỹ của Công ty (Hợp nhất) qua các năm

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1. Quỹ đầu tư phát triển	7.626.894	10.372.125	15.175.445
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	135.701	697.174	1.535.783
Tổng cộng	<u>7.762.595</u>	<u>11.069.299</u>	<u>16.711.228</u>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014, 2015 đã kiểm toán; BCTC hợp nhất quý III/2016 do PJT lập)

13.1.7. Tổng dư nợ vay

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

Bảng 17 – Tình hình dư nợ vay của Công ty (Công ty mẹ và Hợp nhất) qua các năm

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21.557.000	22.315.200	5.544.800
1. Vay ngắn hạn	-	-	-
2. Vay dài hạn đến hạn trả	21.557.000	22.315.200	5.544.800
- Vay PGBank – CN Sài Gòn (*)	6.988.000	6.988.000	1.747.000
- Vay SHB – Chi nhánh	14.569.000	15.327.200	3.797.800

<i>Thăng Long (**)</i>			
3. Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	-
II. Vay và nợ dài hạn	105.525.500	86.611.050	86.137.050
1. Vay dài hạn ngân hàng	105.525.500	86.611.050	86.137.050
- Vay PGBank – CN Sài Gòn (*)	40.179.250	33.191.250	33.191.250
- Vay SHB – CN Thăng Long (**)	65.346.250	53.419.800	52.945.800
2. Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	<u>127.082.500</u>	<u>108.926.250</u>	<u>91.681.850</u>

(Nguồn: BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2014, 2015 đã kiểm toán và BCTC riêng và BCTC hợp nhất quý III/2016)

(*) Là khoản vay dài hạn ngân hàng PGBank – CN Sài Gòn theo Hợp đồng vay số 0193.14.447/HDTDT/TH-PN ngày 15 tháng 07 năm 2014 nhằm đầu tư dự án mua tàu Long Phú 18. Thời hạn vay là 7 năm. Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2015 là 40.179.250 nghìn đồng (trong đó 6.988.000 nghìn đồng là vay dài hạn đến hạn trả).

(**) Là khoản vay dài hạn ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội (SHB) – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng số 084/2013/HDTDTDH-PN/SHB.TL ngày 29/03/2013 nhằm đầu tư cho dự án mua tàu Long Phú 10 tải trọng 7.725 tấn. Thời hạn vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 08 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau thời gian ân hạn, nợ gốc được trả định kỳ 3 tháng/lần bắt đầu từ ngày 05/01/2014. Khoản vay này áp dụng lãi suất ch vay USD thả nổi 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2015 là 3.050.000 USD tương đương 68.747.000 nghìn đồng (trong đó 680.000 USD tương đương 15.327.200 nghìn đồng là vay dài hạn đến hạn trả).

Trong năm, khoản vay dài hạn này tăng lên do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá tại ngày 31/12/2015.

Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch sau:

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015	01/01/2015
--	-------------------	-------------------

Trong vòng một năm	22.315.200.000	21.557.000.000
Trong năm thứ hai	22.315.200.000	21.557.000.000
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	64.295.850.000	64.671.000.000
Sau năm năm	-	19.297.500.000
Cộng	108.926.250.000	127.082.500.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	22.315.200.000	21.557.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	86.611.050.000	105.525.500.000

13.1.8. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Bảng 18 – Chi tiết các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	30.671.222	30.105.388	33.836.685
1. Phải thu của khách hàng	28.405.701	27.868.260	29.154.889
2. Trả trước cho người bán	913.748	206.556	4.612.125
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
4. Phải thu khác	1.748.255	2.463.056	502.154
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(432.483)	(432.483)	(432.483)
II. Các khoản phải thu dài hạn	10.500	24.900	24.900
Phải thu dài hạn khác	10.500	24.900	24.900
Tổng cộng	30.681.722	30.130.288	33.861.585

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014, 2015 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III/2016 do SHA lập)

Các khoản phải thu khác bao gồm: Phải thu về hao hụt hàng hóa, phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn; tạm ứng; các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn;...

Nợ xấu (*):

Đơn vị tính: VND

	30/09/2016	31/12/2015	31/12/2014
Công ty Samoeun Vina	163.394.500	163.394.500	163.394.500
Công ty sửa chữa tàu Xuân Việt 2	67.354.758	67.354.758	67.354.758
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Việt Nam	90.000.000	90.000.000	90.000.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và sửa chữa	111.733.560	111.733.560	111.733.560
Tàu biển Chim Ưng	-	-	-
Cộng	432.482.818	432.482.818	432.482.818

(*): Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị các khoản phải thu khó đòi.

Bảng 19 – Chi tiết các khoản phải thu Công ty mẹ

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	24.205.890	23.295.122	30.046.228
1. Phải thu của khách hàng	22.233.878	21.803.335	24.829.152
2. Trả trước cho người bán	780.722	2.506	5.000.309
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-
4. Phải thu khác	1.422.040	1.720.030	447.517
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(230.749)	(230.749)	(230.749)
II. Các khoản phải thu dài hạn	10.500	24.900	24.900

Phải thu dài hạn khác	10.500	24.900	24.900
Tổng cộng	24.216.390	23.320.022	30.071.128

(Nguồn: BCTC riêng năm 2014, 2015 đã kiểm toán và BCTC riêng quý III/ 2016 do PJT lập)

Nợ xấu (*):

Đơn vị tính: VND

	31/03/2016	31/12/2015	31/12/2014
Công ty Samoeun Vina	163.394.500	163.394.500	163.394.500
Công ty sửa chữa tàu Xuân Việt 2	67.354.758	67.354.758	67.354.758
Cộng	230.749.258	230.749.258	230.749.258

(*) Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị các khoản phải thu khó đòi.

• **Ghi chú:**

Một số chỉ tiêu tại thời điểm 31/12/2014 trên Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2014 đã được kiểm toán có sự chênh lệch so với số liệu tại thời điểm 01/01/2015 trên Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng năm 2015 đã được kiểm toán là do nguyên nhân sau:

- Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư:
- + Thông tư 200/2014/TT - BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.
- + Thông tư số 202/2014/TT - BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư 161/2007/TT - BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.
- Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

Sự khác nhau giữa số cuối năm trên BCTC hợp nhất năm 2014 và số đầu năm trên BCTC hợp nhất năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm trên BCTC hợp nhất năm 2014	Số đầu năm trên BCTC hợp nhất năm 2015	Chênh lệch (3) = (2)-(1)
-------	----------	---	--	--------------------------

		(1)	(2)	
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	30.091.484.456	30.671.221.521	579.737.065
136	Phải thu ngắn hạn khác	1.204.518.340	1.784.255.405	579.737.065
150	Tài sản ngắn hạn khác	4.279.391.314	3.699.654.249	-579.737.065
155	Tài sản ngắn hạn khác	579.737.065	-	-579.737.065
210	Các khoản phải thu dài hạn	-	10.500.000	10.500.000
216	Phải thu dài hạn khác	-	10.500.000	10.500.000
260	Tài sản dài hạn khác	10.500.000	-	-10.500.000
268	Tài sản dài hạn khác	10.500.000	-	-10.500.000
220	Tài sản cố định	213.651.585.798	213.539.660.769	-111.925.029
	Quỹ đầu tư phát triển	2.961.771.307	7.626.893.789	4.665.122.482
	Quỹ dự phòng tài chính	4.665.122.482	-	-4.665.122.482

Sự khác nhau giữa số cuối năm trên BCTC riêng năm 2014 và số đầu năm trên BCTC riêng năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm trên BCTC riêng năm 2014 (1)	Số đầu năm trên BCTC riêng 2015 (2)	Chênh lệch (3) = (2)-(1)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	24.005.390.240	24.205.890.240	200.500.000
136	Phải thu ngắn hạn	1.221.539.873	1.422.039.873	200.500.000

	khác			
150	Tài sản ngắn hạn khác	3.870.688.749	3.670.188.749	-200.500.000
155	Tài sản ngắn hạn khác	200.500.000	-	-200.500.000
210	Các khoản phải thu dài hạn	-	10.500.000	10.500.000
216	Phải thu dài hạn khác	-	10.500.000	10.500.000
260	Tài sản dài hạn khác	10.500.000	-	-10.500.000
268	Tài sản dài hạn khác	10.500.000	-	-10.500.000
	Quỹ đầu tư phát triển	2.410.562.169	6.908.168.684	4.497.606.515
	Quỹ dự phòng tài chính	4.497.606.515	-	-4.497.606.515

- Tài sản cố định số đầu năm 2015 bị giảm so với số cuối năm 2014 là do theo Thông tư 200/2014/TT - BTC, chi phí xây dựng cơ bản dở dang (mã số 230) không thuộc mục tài sản cố định, mà sẽ thuộc mục Tài sản dở dang dài hạn (mã số 240) và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có mã số 242. Chính vì vậy, phần chênh lệch giảm đúng bằng chi phí xây dựng cơ bản dở dang.
- Theo Thông tư 200/2014/TT - BTC, doanh nghiệp không phải trích lập quỹ dự phòng tài chính mà chỉ trích quỹ đầu tư phát triển, nên Công ty gộp 2 quỹ trên thành quỹ đầu tư phát triển.
- Các khoản phải trả:

Bảng 20 – Chi tiết các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I. Nợ ngắn hạn	53.296.405	72.638.688	69.971.811
1. Vay và nợ ngắn hạn (Vay	21.557.000	22.315.200	5.544.800

và nợ thuê tài chính ngắn hạn)			
2. Phải trả người bán	14.994.202	23.978.616	8.833.651
3. Người mua trả tiền trước	908.046	4.512.521	5.331.458
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.186.781	1.191.602	3.873.693
5. Phải trả người lao động	8.880.325	9.122.717	8.583.551
6. Chi phí phải trả	23.511	-	
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.610.840	10.820.858	3.957.083
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	32.311.791
<i>Dự phòng phải trả sửa chữa lớn TSCĐ</i>	-	-	<i>32.311.791</i>
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	135.701	697.174	1.535.783
II. Nợ dài hạn	105.525.500	86.755.050	86.281.050
1. Phải trả dài hạn người bán	-	-	-
2. Phải trả dài hạn khác	-	144.000	144.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	105.525.500	86.611.050	86.137.050
Tổng cộng	<u>158.821.905</u>	<u>159.393.738</u>	<u>156.252.861</u>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014, 2015 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III/2016 do PJT lập)

Bảng 21 – Chi tiết các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I. Nợ ngắn hạn	46.702.231	61.703.672	60.395.734
1. Vay và nợ thuê tài chính	21.557.000	22.315.200	5.544.800

ngắn hạn			
2. Phải trả người bán	10.877.182	18.954.302	5.993.328
3. Người mua trả tiền trước	-	-	554.862
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.537.901	787.009	3.244.188
5. Phải trả người lao động	8.199.574	8.147.554	7.419.104
6. Chi phí phải trả	-	-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.394.872	10.802.433	3.907.878
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	32.311.791
<i>Dự phòng sửa chữa lớn TSCĐ</i>	-	-	<i>32.311.791</i>
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	135.701	697.174	1.419.783
II. Nợ dài hạn	105.525.500	86.611.050	86.137.050
1. Phải trả dài hạn người bán	-	-	-
2. Phải trả dài hạn khác	-	-	-
3. Vay và nợ dài hạn	105.525.500	86.611.050	86.137.050
Tổng cộng	<u>152.227.731</u>	<u>148.314.722</u>	<u>146.532.784</u>

(Nguồn: BCTC riêng năm 2014, 2015 đã kiểm toán và BCTC riêng quý III/2016 do PJT lập)

13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 22 – Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Hợp nhất)

Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm	30/09/2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,36	1,42	5,02%	1,99
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,06	1,17	10,54%	1,73
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,55	0,55	-0,44%	0,51
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,25	1,23	-0,98%	1,04
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	22,02	19,28	-12,45%	13,68
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,43	1,30	-9,00%	0,97
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,12	4,98	20,97%	8,82
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,48	14,50	16,26%	18,33
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,88	6,48	10,08%	8,60
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,00	6,00	50,05%	9,49
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần					
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (*)	Đồng/cổ phần	1.154	1.444	25,13%	2.362
Giá trị sổ sách của một cổ phần (BV)	Đồng/CP	11.342	11.862	4,59%	13.828

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2014; 2015 đã kiểm toán; BCTC hợp nhất quý 3 năm 2016 do PJT tự lập)

(*) EPS số cuối kỳ trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã kiểm toán và số đầu kỳ trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán có sự chênh lệch do:

Ngày 09/04/2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tỷ lệ 15% lợi nhuận hợp nhất sau thuế và quỹ thưởng ban điều hành là 200 triệu đồng.

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được đơn vị kiểm toán tính toán lại bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trừ đi các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán ở trên.

Bảng 23 – Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Công ty mẹ)

Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm	30/09/2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,23	1,36	10,37%	2,01
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,95	1,24	30,41%	1,88
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,55	0,54	-1,74%	0,50
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,21	1,17	-3,77%	0,99
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	23,38	28,76	23,02%	28,70
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,35	1,24	-8,25%	0,90
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,43	5,37	21,25%	10,11
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,53	14,63	16,73%	18,83
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,00	6,68	11,26%	9,08
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,28	6,40	49,69%	10,72
5. Chỉ tiêu liên quan đến					

cổ phần					
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cổ phần	1.398	1.706	22,03%	2.389
Giá trị sổ sách của một cổ phần (BV)	Đồng/CP	11.155	11.659	4,52%	13.644

(Nguồn: BCTC riêng năm 2014; 2015 đã kiểm toán; BCTC riêng quý 3 năm 2016 do PJT tự lập)

- Qua các chỉ tiêu tài chính ở trên có thể thấy doanh nghiệp hoạt động khá ổn định và hiệu quả qua từng năm trong bối cảnh kinh tế có nhiều khó khăn. Các chỉ tiêu khả năng sinh lời như chỉ tiêu ROA và ROE năm sau đều có sự tăng trưởng mạnh so với năm trước.
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn luôn duy trì ở mức trung bình ngành (Tổng nợ/Tổng vốn bình quân ngành vận tải là 0,55 lần; tổng nợ/Vốn chủ sở hữu bình quân ngành vận tải cảng là 1,20 lần); hệ số nợ của Công ty trong năm 2015 có xu hướng giảm so với năm 2014 và Công ty trong những năm qua đều hoạt động hiệu quả, doanh thu lợi nhuận ở mức cao nên việc sử dụng đòn bẩy tài chính cao là một lợi thế.
- Hệ số thanh toán ngắn hạn luôn ở mức cao hơn 1 và năm sau cao hơn năm trước.

14. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

14.1. Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh
PHAN VĂN KỶ	Chủ tịch HĐQT
PHẠM VIỆT KHOA	Thành viên HĐQT
ĐẶNG THỊ XUÂN HƯƠNG	Thành viên HĐQT
ĐỖ VĂN LONG	Thành viên HĐQT
PHAN VĂN CẦU	Thành viên HĐQT

14.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông PHAN VĂN KỶ			
Giới tính	Nam	Quê quán	Hà Tĩnh
Ngày tháng năm sinh	12 tháng 09 năm 1957	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	32-33 L Khu Miếu Nổi, Phường 3, Q.Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh		

Nơi sinh	Xã Thạch Vĩnh, huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số: 02396662, cấp ngày: 01/8/2001 tại CA TP.HCM
Trình độ văn hóa	12/12	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác:		
+ Từ T3/1975- T5/1981	- Quân nhân, công tác tại Hạm đội 171 Hải quân	
+ Từ T6/1981 - T9/1999	- Sĩ quan tàu biển tại Công ty Vận tải xăng dầu VITACO	
+ Từ T10/1999- T4/2013	- Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc, Giám đốc, Tổng Giám đốc điều hành Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex	
+ Từ T5/2013 đến nay	- Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc điều hành Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex.	
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Ủy viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác	Không	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các khoản nợ đối với công ty	Không	
Lợi ích liên quan với Công ty	Không	
Số cổ phần nắm giữ:	1.731.557 cổ phần (tỷ lệ 16% vốn điều lệ)	
Trong đó:		
- Sở hữu cá nhân	31.557 cổ phần (tỷ lệ 0,29 %)	
- Đại diện phần vốn	1.700.000 cổ phần (tỷ lệ 15,72 %)	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	- Con trai: Phan Anh Đức nắm giữ: 16.800 CP (tỷ lệ 0.16 %)	
	- Em trai: Phan Văn Thạch nắm giữ: 10.030 CP (tỷ lệ 0.09 %)	

14.1.2. Thành viên Hội đồng quản trị

Ông PHẠM VIỆT KHOA			
Giới tính	Nam	Quê quán	Hải phòng
Ngày tháng năm sinh	20 tháng 09 năm 1974	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	P.404 Nhà C, TT Viện Nhi, ngách 879/26 La Thành, Láng Thượng, HN		
Nơi sinh	Xã Đông Hải, huyện An Hải, TP.Hải Phòng		
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 012585308 cấp ngày 19/3/2003 tại CA Hà Nội	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán, cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác:			
+ Từ T11/1995 - 05/1997	- Chuyên viên Công ty Xăng dầu ĐakLak		
+ Từ T6/1997 - 02/1999	- Phó trưởng phòng Kế toán Công ty Xăng dầu ĐakLak.		
+ Từ T3/1999- 08/2004	- Chuyên viên Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.		
+ Từ T9/2004 - T12/2008	- Phó Chánh văn phòng Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.		
+ Từ T01/2009- 02/2013	- Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex		
+ Từ T03/2013 đến nay	- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex (PGT)		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex (PGT) – Tập đoàn XD Việt Nam		
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác	- Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Lợi ích liên quan với Công ty	Không		

Số cổ phần nắm giữ:	1.400.000 cổ phần (tỷ lệ 12,94%)
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	Không
- Đại diện phần vốn	1.400.000 cổ phần (tỷ lệ 12,94%)
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

14.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị

Bà ĐẶNG THỊ XUÂN HƯƠNG			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Bình Dương
Ngày tháng năm sinh	03 tháng 03 năm 1968	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 61 Dương Văn An, Phường An Phú, Q.2, TP.Hồ Chí Minh		
Nơi sinh	Hà Nội		
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số	022924006 cấp ngày
Trình độ văn hóa	12/12	09/12/2007 tại CA TP.HCM	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế - Tài - Ngân		
Quá trình công tác:			
+ Từ T2/1991- T10/1999	- Kế toán tổng hợp XN sửa chữa & đóng tàu thuộc VITACO		
+ Từ T10/1999- T10/2004	- Trưởng phòng Kế toán Tài vụ Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex		
+ Từ T10/2004 - 12/2009	- Kế toán trưởng Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex, Chủ tịch Công ty TNHH MTV Đóng tàu và thương mại Petrolimex.		
+ Từ T12/2009 đến nay	- Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex. - Từ tháng 01/2015: thôi kiêm Kế toán trưởng Công ty.		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	- Thành viên nhóm đại diện quản lý vốn của PGT tại Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex		
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp	- Không		

khác	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ:	1.412.880 cổ phần (tỷ lệ 0,12%)
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	12.880 cổ phần (tỷ lệ 13%)
- Đại diện phần vốn	1.400.000 cổ phần (tỷ lệ 12,94%)
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

14.1.4. Thành viên Hội đồng quản trị

Ông ĐỖ VĂN LONG			
Giới tính	Nam	Quê quán	Hung Yên
Ngày tháng năm sinh	25 tháng 6 năm 1962	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 146E11 Nguyễn Văn Hưởng, P.Thảo Điền, Q.2, TP.Hồ Chí Minh		
Nơi sinh	Xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên		
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 023007 615 cấp ngày 30/8/2010 tại CA TP.HCM	
Trình độ văn hóa	10/10		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chuyên ngành đóng tàu thủy		
Quá trình công tác:			
+ Từ T1/1987 - T12/1994	- Chuyên viên kỹ thuật XN sửa chữa tàu thuộc VITACO		
+ Từ T1/1995 - T12/1996	- Phó quản đốc xưởng sửa chữa tàu thuộc VITACO		
+ Từ T1/1997 - T12/2001	- Quản đốc xưởng sửa chữa tàu thuộc VITACO		

+ Từ T1/2001 - T12/2003	- Giám đốc XN Đóng tàu và thương mại Petrolimex.
+ Từ T1/2004 - T12/2007	- Phó Giám đốc Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Đóng tàu và thương mại Petrolimex (PSC).
+ Từ T1/2008 - T12/2015	- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty PSC
+ Từ T1/2016 đến nay	- Phó TGD Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex kiêm Chủ tịch Công ty PSC
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Đóng tàu và thương mại Petrolimex
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ:	35.886 cổ phần (tỷ lệ 0,33%)
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	35.886 cổ phần (tỷ lệ 0,33%)
- Đại diện phần vốn	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

14.1.5. Thành viên Hội đồng quản trị

Ông PHAN VĂN CẦU			
Giới tính	Nam	Quê quán	Hà Tĩnh
Ngày tháng năm sinh	20 tháng 10 năm 1976	Dân tộc	Kinh

Địa chỉ thường trú	63 Đường 17, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh	
Nơi sinh	Xã Thạch Vĩnh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 183308511 cấp ngày 27/11/2014 tại CA Hà Tĩnh
Trình độ văn hóa	12/12	
Trình độ chuyên môn	Điều khiển tàu biển	
Quá trình công tác:		
+ Từ T1/1998- T10/2007	Công tác tại Cty CP Xây dựng Vận tải & Thương Mại Miền Nam.	
+ Từ T9/2008 - T3/2016	Công tác tại Công ty CP vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex.	
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Ủy viên HĐQT Công ty CP Xuân Phúc – Sài Gòn.	
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác	Không	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các khoản nợ đối với công ty	Không	
Lợi ích liên quan với Công ty	Không	
Số cổ phần nắm giữ:	744.270 cổ phần (tỷ lệ 6,9%)	
Trong đó:		
- Sở hữu cá nhân	594.270 cổ phần (tỷ lệ 5,5 %)	
- Đại diện phần vốn	150.000 cổ phần (tỷ lệ 1,4 %)	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không	

14.2. Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức danh
ĐẶNG THỊ XUÂN HƯƠNG	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

ĐỖ VĂN LONG	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
BÙI HOÀNG HÀO	Phó Tổng Giám đốc
NGUYỄN DUY HẢI	Phó Tổng Giám đốc

14.2.1. Phó Tổng Giám đốc

Ông BÙI HOÀNG HÀO			
Giới tính	Nam	Quê quán	Quảng Nam
Ngày tháng năm sinh	06 tháng 6 năm 1960	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	96 Bùi Văn Ba, KPII, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM		
Nơi sinh	Xuyên Khương, Duy Xuyên, Quảng Nam		
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số	020693223 cấp ngày
Trình độ văn hóa	10/10	13/9/2014 tại CA TP.HCM	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế kế hoạch lao động tiền lương		
Quá trình công tác:			
+ Từ T9/1983- T9/1995	Cán bộ phòng Tổ chức Hành chính Cty Vận tải nhiên liệu VITACO		
+ Từ T9/1995 - T3/1998	Phó phòng TC-HC XN Sửa chữa và Đóng tàu Bình Chánh - Cty Vận tải nhiên liệu VITACO.		
+ Từ T4/1998 - T12/2013	Trưởng phòng TC-HC Công ty CPVT XDĐT Petrolimex. Chủ tịch Công đoàn Công ty.		
+ Từ T1/2014 đến nay	Phó TGĐ kiêm Trưởng phòng HCNS Cty CPVT XDĐT Petrolimex.		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng HCNS, Chủ tịch Công đoàn		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không		
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Lợi ích liên quan với	Không		

Công ty	
Số cổ phần nắm giữ:	10.000 cổ phần (tỷ lệ 0,09 %)
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	10.000 cổ phần (tỷ lệ 0,09 %)
- Đại diện phần vốn	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

14.2.2. Phó Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN DUY HẢI			
Giới tính	Nam	Quê quán	TP.Hồ Chí Minh
Ngày tháng năm sinh	15 tháng 01 năm 1977	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	439 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Tp. HCM		
Nơi sinh	Quận 2, TP.Hồ Chí Minh		
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số	023103781 cấp ngày
Trình độ văn hóa	12/12	08/4/2011 tại CA TP. HCM	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản lý doanh nghiệp		
Quá trình công tác:			
+ Từ 2000 đến 2002	Chuyên viên phòng kinh doanh Công ty CP VTXD Đường thủy Petrolimex.		
+ Từ 2002 đến 2004	Đi Nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn 2, Trung đoàn Gia định.		
+ Từ 2004 đến 2009	Chuyên viên phòng kinh doanh Công ty CP VTXD Đường thủy Petrolimex.		
+ Từ 2009 đến 2011	Phó phòng Vận tải biển Công ty CPVT XDĐT Petrolimex.		
+ Từ 2011 đến T9/2014	Trưởng phòng Khai thác tàu biển Công ty CPVT XDĐT Petrolimex		
+ Từ T9/2014 đến T4/2016	Trưởng phòng Khai thác tàu sông Công ty CPVT XDĐT Petrolimex.		
+ Từ T4/2016 đến nay	Phó TGĐ kiêm Trưởng phòng KTTS Cty CPVT XDĐT Petrolimex.		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Khai thác tàu sông		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không		

Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ:	12.880 cổ phần (tỷ lệ 0,12 %)
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	12.880 cổ phần (tỷ lệ 0,12 %)
- Đại diện phần vốn	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

14.3. Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh
HOÀNG ANH TUẤN	Trưởng Ban kiểm soát
PHẠM NGỌC SINH	Thành viên Ban Kiểm soát
TRẦN VĂN TRỌNG	Thành viên Ban Kiểm soát

14.3.1. Trưởng Ban kiểm soát

Ông HOÀNG ANH TUẤN			
Giới tính	Nam	Quê quán	Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	18 tháng 09 năm 1979	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	14 ngõ 465 Đội Cấn, Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội		
Nơi sinh	Hà Nội		
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 011942903, cấp ngày 09/5/2005 tại CA Hà Nội	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán		
Quá trình công tác:			
+ Từ 2001 đến 2006	Chuyên viên phòng Kế toán Chi nhánh Công ty ĐM &KTCN.		

+ Từ 2006 đến 2008	Chuyên viên phòng Kế toán – TT TCKT – TCTY XD Việt Nam.
+ Từ 2008 đến 2013	Chuyên viên phòng Kế toán – Ban TCKT – Tập đoàn XD Việt Nam.
+ Từ 2013 đến 2015	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex (PGT).
+ Từ 1/1/2016 đến nay	Phó phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty Vận tải Thủy Petrolimex – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ:	1.040.858 cổ phần (tỷ lệ 9,62 %)
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	Không
- Đại diện phần vốn	1.040.858 cổ phần (tỷ lệ 9,62 %)
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

14.3.2. Thành viên Ban kiểm soát

Ông PHẠM NGỌC SINH			
Giới tính	Nam	Quê quán	Hải Phòng
Ngày tháng năm sinh	14 tháng 06 năm 1974	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	67 Bà Huyện Thanh Quan, P.6, Q.3, TP.Hồ Chí Minh		
Nơi sinh	Hải Phòng		

Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 023450977 cấp ngày 17/6/2009 tại CA TP.HCM
Trình độ văn hóa	12/12	
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính	
Quá trình công tác:		
+ Từ T1/1997- T4/2004	Nhân viên Kế toán Công ty CP vận tải xăng dầu VITACO.	
+ Từ T5/2004 - T9/2005	Phó phòng Kế toán – CN Đà Nẵng, Công ty CP vận tải xăng dầu VITACO.	
+ Từ T10/2005 - T8/2008	Nhân viên Kế toán Công ty CP vận tải xăng dầu VITACO.	
+ Từ T9/2008 - T3/2011	Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP kho cảng xăng dầu hàng không Miền Nam .	
+ Từ T2/2012 - T11/2013	Kế toán trưởng Công ty CP dịch vụ hàng hải Mỹ Giang	
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban kiểm soát	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không	
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác	Không	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các khoản nợ đối với công ty	Không	
Lợi ích liên quan với Công ty	Không	
Số cổ phần nắm giữ:	235.842 cổ phần (tỷ lệ 2,18 %)	
Trong đó:		
- Sở hữu cá nhân	235.842 cổ phần (tỷ lệ 2,18 %)	
- Đại diện phần vốn	Không	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	- Cha ruột: Đinh Kim Oanh nắm giữ: 17.576 CP, chiếm 0.16 % vốn điều lệ	

14.3.3. Thành viên Ban kiểm soát

Ông TRẦN VĂN TRỌNG			
Giới tính	Nam	Quê quán	Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	23 tháng 12 năm 1978	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	A201, CC 27, Nguyễn Văn Dung, P.6, Q.Gò Vấp, TP.HCM		
Nơi sinh	Xã Nghi Tiến – Huyện Nghi Lộc – Tỉnh Nghệ An		
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số:	024997250 cấp ngày
Trình độ văn hóa	12/12	01/9/2008 tại CA TP.HCM	
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điều khiển tàu biển		
Quá trình công tác:			
+ Từ 2004 đến 2011	Thủy thủ , đại phó tàu biển Công ty CP vận tải biển Vinaship.		
+ Từ 2011 đến 2014	Đại phó tàu biển Công ty CP VTXD Đường thủy Petrolimex.		
+ Từ 12/2014 -11/2015	Chuyên viên Phòng Hành chính Nhân sự Công ty CP VTXD Đường thủy Petrolimex.		
+ Từ 11/2015 đến nay	Phó phòng – Phòng HC-NS Công ty CPVT XDĐT Petrolimex.		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng – Phòng HC-NS Công ty		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không		
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Lợi ích liên quan với Công ty	Không		
Số cổ phần nắm giữ:	Không		
Trong đó:	Không		

- Sở hữu cá nhân - Đại diện phần vốn	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

14.4. Kế toán trưởng

Bà NGUYỄN THỊ HIỀN			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Thành phố Hồ Chí Minh
Ngày tháng năm sinh	07 tháng 07 năm 1976	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	68/8 Tổ 73 khu phố 6A, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM		
Nơi sinh	Thành phố Hồ Chí Minh		
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số:	022918259 cấp ngày
Trình độ văn hóa	12/12	29/12/2008 tại CA TP.HCM	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán		
Quá trình công tác:			
+ Từ 2000 đến T10/2002	- Nhân viên kế toán Công ty TNHH Daewoong Việt Nam		
+ Từ T11/2002- T02/2008	- Chuyên viên phòng Kế toán Tài vụ Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex		
+ Từ T03/2008 - T01/2015	- Phó phòng – phụ trách phòng Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Đóng tàu và thương mại Petrolimex.		
+ Từ T02/2015 – T12/2015	- Trưởng phòng Kế toán tài vụ Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex		
+ Từ T01/2016 đến nay	- Kế toán trưởng Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex.		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng Công ty CP VTXD đường thủy Petrolimex.		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Đóng tàu và thương mại Petrolimex		
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp	Không		

luật	
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ:	6.006 cổ phần (tỷ lệ 0,05%)
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	6.006 cổ phần (tỷ lệ 0,05%)
- Đại diện phần vốn	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không

14.5. Danh sách những người có liên quan tới thành viên HĐQT; Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc

Tên cổ đông	Quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Có liên quan với Ông Phan Văn Kỳ - Chủ tịch HĐQT				
Võ Thị Em	Mẹ	Thạch Vĩnh, Thạch Hà, Hà Tĩnh	0	0
Nguyễn Thị Linh	Vợ	32-33 L, Khu Miếu nổi, P.3, Q.Bình Thạnh, HCM	0	0
Phan Anh Đức	Con	32-33 L, Khu Miếu nổi, P.3, Q.Bình Thạnh, HCM	16.800	0,16
Phan Công Trung	Con	32-33 L, Khu Miếu nổi, P.3, Q.Bình Thạnh, HCM	0	0
Phan Quốc Anh	Con	32-33 L, Khu Miếu nổi, P.3, Q.Bình Thạnh, HCM	0	0
Phan Mạnh Tiến	Con	32-33 L, Khu Miếu nổi, P.3, Q.Bình Thạnh, HCM	0	0
Phan Văn Thạch	Em trai	63 Đường 17, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, HCM	10.030	0,09
Phan Văn Việt	Em trai	21/17 Đường 17, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, HCM	0	0
Phan Văn Nam	Em trai	63 Đường 17, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, HCM	0	0
Có liên quan tới Ông Phạm Việt Khoa - Thành viên HĐQT				
Phạm Anh Áp	Cha	Số A62 TT2, Khu Đô thị Văn Quán, Hà Đông, HN	0	0
Nguyễn Thị Đào	Mẹ	Số A62 TT2, Khu Đô thị Văn Quán, Hà Đông, HN	0	0
Đào Thị Yến Anh	Vợ	P.404 Nhà C, TT Viện Nhi, ngách 879/26 La Thành, Láng Thượng, HN	0	0
Phạm Thị Điệp Giang	Em gái	Số A62 TT2, Khu Đô thị Văn Quán, Hà Đông, HN	0	0

		Quán, Hà Đông, HN		
Phạm Bảo Trang	Em gái	Số 2 Ngõ 34, đường Xuân La, Tây Hồ, HN	0	0
Có liên quan tới Bà Đặng Thị Xuân Hương - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc				
Nguyễn Anh Tuấn	Chồng	61 Dương Văn An, P. An Phú, Q.2, HCM.	0	0
Nguyễn Tuấn Huy	Con	sinh năm 2001	0	0
Đặng Minh Tuyền	Anh	C24/7 tổ 9 KP 2, P. Tăng Nhơn Phú A, Q. 9 HCM	0	0
Đặng Thị Xuân Thảo	Em	C24/7 tổ 9 KP 2, P. Tăng Nhơn Phú A, Q. 9 HCM	0	0
Có liên quan tới Ông Đỗ Văn Long - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc				
Nguyễn Thị Thảo	Mẹ	Thụy Lôi, Tiên Lữ, Hưng Yên	0	0
Nguyễn Thị Quyên	Vợ	8A/A17 Thái Văn Lung, P.Bến Nghé, Q1, HCM	0	0
Đỗ Thị Lâm	Chị	Thụy Lôi, Tiên Lữ, Hưng Yên	0	0
Đỗ Thị Huệ	Chị	số 6, Lê Văn Miến, P.Thảo Điền, Quận 2, HCM	0	0
Đỗ Quốc Dương	Em	35/3 Bình Lợi, P.13, Q.Bình Thạnh, HCM	0	0
Đỗ Thị Mai	Em	4/9C Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, HCM	0	0
Đỗ Thị Hà	Em	125/3 Phạm Hồng Thái, P7, Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0
Có liên quan tới Ông Phan Văn Cầu - Thành viên HĐQT				
Nguyễn Thị Oanh	Vợ	Thạch Vĩnh, Thạch Hà, Hà Tĩnh	0	0
Phan Thị Hồng	Chị Ruột	Thạch Vĩnh, Thạch Hà, Hà Tĩnh	0	0
Phan Thị Hường	Chị Ruột	Thạch Vĩnh, Thạch Hà, Hà Tĩnh	0	0
Phan Thị Loan	Chị Ruột	Thị Trấn Cày, Thạch Hà, Hà Tĩnh	0	0

Phan Thị Hương Giang	Con Ruột	Thạch Vĩnh, Thạch Hà, Hà Tĩnh	0	0
Có liên quan tới Ông Nguyễn Duy Hải – Phó Tổng Giám đốc				
Nguyễn Văn Hạnh	Bố	439 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Q. 2, HCM	0	0
Nguyễn Thị Tươi	Mẹ	439 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Q. 2, HCM	0	0
Phạm Trần Lan Khanh	Vợ	439 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Q. 2, HCM	0	0
Nguyễn Thụy Thúy	Chị	51/37 Đường 22, Phường Cát Lái, Q. 2, HCM	0	0
Nguyễn Thụy Huệ	Em	439 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Q. 2, HCM	0	0
Có liên quan tới Ông Bùi Hoàng Hào - Phó Tổng Giám đốc				
Bùi Văn Võ	Cha	482/35/3 Lê Quang Định, P11, Bình Thạnh, TP.HCM	0	0
Mai Thị Nhan	Vợ	121 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q1, TP.HCM	0	0
Bùi Mai Hoàng	Con trai	121 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q1, TP.HCM	0	0
Bùi Mai Huỳnh	Con gái	121 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q1, TP.HCM	0	0
Bùi Thị Như Uyên	Chị	482/35/5 Lê Quang Định, P11, Bình Thạnh, TP.HCM	0	0
Bùi Hoàng Hải	Anh	482/35/3 Lê Quang Định, P11, Bình Thạnh, TP.HCM	0	0
Bùi Hoàng Truyền	Em	482/29 Lê Quang Định, P11, Bình Thạnh, TP.HCM	0	0
Bùi Thị Bích Ni	Em	482/35/3 Lê Quang Định, P11, Bình Thạnh, TP.HCM	0	0
Bùi Hoàng Triều	Em	482/29 Lê Quang Định, P11, Bình Thạnh, TP.HCM	0	0
Bùi Thị Hoàng Oanh	Em	235/62 Lê Văn Thọ, P9, Gò Vấp,	0	0

		TP.HCM		
Bùi Hoàng Anh Thư	Em	80 Đường 17, P.11, Gò Vấp, TP.HCM	0	0
Có liên quan tới Ông Hoàng Anh Tuấn - Trưởng Ban kiểm soát				
Nguyễn Thị Kim Hoa	Vợ	Số nhà 14 ngõ 465 Phố Đội cấn, P.Vĩnh Phúc, Q.Ba Đình, Hà Nội	0	0
Hoàng Ngọc Nghiêu	Cha	Số nhà 14 ngõ 465 Phố Đội cấn, P.Vĩnh Phúc, Q.Ba Đình, Hà Nội	0	0
Nguyễn Thị Hà	Mẹ	Số nhà 14 ngõ 465 Phố Đội cấn, P.Vĩnh Phúc, Q.Ba Đình, Hà Nội	0	0
Hoàng Vân Anh	Em gái	Nhà số 7, ngõ 4 ngõ 7, Phố Kim Mã Thượng, P.Cống Vị, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội	0	0
Nguyễn Thị Kim Hoa	Vợ	Số nhà 14 ngõ 465 Phố Đội cấn, P.Vĩnh Phúc, Q.Ba Đình, Hà Nội	0	0
Có liên quan tới Ông Phạm Ngọc Sinh - Thành viên BKS				
Đình Kim Oanh	Cha	67 Bà Huyện Thanh Quan, P.6, Quận 3, TP.HCM	17.576	17.576
Quách Thị Tý	Mẹ	67 Bà Huyện Thanh Quan, P.6, Quận 3, TP.HCM	0	0
Vũ Thùy Trang	Vợ	67 Bà Huyện Thanh Quan, P.6, Quận 3, TP.HCM	0	0
Có liên quan tới Ông Trần Văn Trọng - Thành viên BKS				
Bùi Thị Thuận	Mẹ	Xóm 2, X.Nghi Tiến, H.Nghi Lộc, T.Nghệ An	0	0
Nguyễn Thị Thu Hiền	Vợ	A201 - CC Splendor - 27 Nguyễn Văn Dung, P6, Q.Gò Vấp, TP.HCM	0	0
Trần Thị Lý	Em	Xóm 14 - Nghi Tiến - Nghi Lộc - Nghệ An	0	0
Trần Văn Nhân	Em	Xóm 2, X.Nghi Tiến, H.Nghi Lộc, T.Nghệ An	0	0
Trần Thị Nhâm	Em	9/29 Thống Nhất, P.16, Q.Gò	0	0

		Vấp, TP.HCM		
Có liên quan tới Bà Nguyễn Thị Hiền – Kế toán trưởng				
Nguyễn Hữu Dũng	Chồng	68/8 tổ 73, KP.6A, P.Tân Thới Nhất, Q12, TP.HCM	0	0
Nguyễn Thị Nhẹ	Chị	80/8C KP6A, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM	0	0
Nguyễn Văn Ánh	Anh	68/8 Tổ 73, KP6A, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM	0	0
Nguyễn Thị Hồng	Chị	60/5 Ấp 3, Xã Xuân thới Thượng, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	0	0
Nguyễn Thị Vân	Chị	47/3 Ấp Nam Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	0	0
Nguyễn Thị Hoa	Chị	9/5 KP1, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP.HCM	0	0
Nguyễn Thị Vân Nhỏ	Chị	68/8 Tổ 73, KP6A, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM	08	0

15. Tài sản

Bảng 24 – Tài sản của Công ty (Công ty mẹ) vào thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/N G
Tài sản cố định hữu hình	297.910.620	117.014.864	180.895.755	60,72%
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	-
Máy móc và thiết bị	-	-	-	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	297.637.987	116.842.620	180.795.366	60,74%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	272.633	172.244	100.389	36,82%
Tài sản cố định thuê	-	-	-	-

tài chính				
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
Tổng cộng	297.910.620	117.014.864	180.895.755	60,72%

Nguồn: BCTC riêng năm 2015 đã kiểm toán

31/12/2015 **31/12/2014**
(VND) (VND)

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dung thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay	160.536.292.891	179.633.062.591
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	37.881.831.992	25.960.349.618

Bảng 25 – Tài sản của Công ty (hợp nhất) vào thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/N G
Tài sản cố định hữu hình	307.671.977	123.132.504	184.539.473	59,98%
Nhà cửa, vật kiến trúc	724.111	641.528	82.584	11,40%
Máy móc và thiết bị	1.275.139	1.191.806	83.333	6,54%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	298.478.927	117.485.275	180.993.651	60,64%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	307.333	206.944	100.389	32,66%
Tài sản cố định khác	6.886.467	3.606.952	3.279.516	47,62%
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-

Tổng cộng	307.671.977	123.132.504	184.539.473	59,98%
------------------	--------------------	--------------------	--------------------	---------------

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán

	31/12/2015	31/12/2014
	(VND)	(VND)
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay	160.536.292.891	179.633.062.591
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	40.450.168.248	27.902.969.184

Bảng 26 – Tài sản của Công ty (Công ty mẹ) vào ngày 30/09/2016

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/N G
Tài sản cố định	287.361.095	126.624.380	160.736.715	55,94%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	287.007.106	126.410.606	160.596.500	55,96%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	353.989	213.774	140.215	39,61%
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
Tổng cộng	287.361.095	126.624.380	160.736.715	55,94%

(Nguồn: BCTC mẹ quý III/ 2016 do PJT lập)

30/09/2016

(VND)

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay	146.213.715.616
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn	27.250.951.287

sử dụng

Bảng 27 – Tài sản của Công ty (Hợp nhất) vào ngày 30/09/2016

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/N G
Tài sản cố định	297.209.453	133.134.340	164.075.113	55,21%
Nhà cửa, vật kiến trúc	724.111	657.012	67.099	9,27%
Máy móc thiết bị	1.362.139	1.109.227	252.912	18,57%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	287.848.046	127.116.332	160.731.714	55,84%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	388.689	248.474	140.215	36,07%
Tài sản cố định khác	6.886.467	4.003.295	2.883.172	41,87%
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
Tổng cộng	297.209.453	133.134.340	164.075.113	55,21%

(Nguồn: BCTC hợp nhất quý III/2016 do PJT lập)

30/09/2016

(VND)

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng
thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay

146.213.715.616

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn
sử dụng

29.669.287.543

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

16.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch 2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Kế hoạch năm 2016	% tăng/giảm so với năm 2015	Kế hoạch năm 2017 (*)	% tăng/giảm so với KH năm 2016
Tổng doanh thu	382.795.175.004	428.709.000.000	11,99%	445.433.487.000	3,90%
Lợi nhuận trước thuế	24.095.174.551	30.000.000.000	24,51%	36.000.000.000	20,00%
Lợi nhuận sau thuế	18.612.421.656	23.600.000.000	26,80%	28.800.000.000	22,03%
Nộp ngân sách NN	18.308.892.625	18.500.000.000	1,04%	22.100.000.000	19,46%
Vốn điều lệ	108.172.380.000	153.600.000.000	42,00%	153.604.780.000	0,00%
Tổng giá trị đầu tư tài mới	-	225.500.000.000	-	227.900.000.000	1,06%
Thu nhập BQ tháng (đồng/người/tháng)	10.108.000	10.226.000	1,17%	10.250.000	0,23%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/tổng doanh thu	4,86%	5,50%	13,22%	6,50%	18,18%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ BQ	17,2%	18%	4,65%	22%	22,22%
Cổ tức	10%	≥10%	-	≥10%	-

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016)

(*) Công ty chưa có kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017 được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua, kế hoạch trên chỉ là kế hoạch Công ty tạm ước tính.

16.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

- Năm 2017, dự báo nền kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính dần ổn định và khởi sắc, Quốc hội đã đặt ra chỉ tiêu, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2017 đạt 6,7%, tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, tập trung tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã thông qua kế hoạch phát hành 4.542.700 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Số tiền thu được từ các đợt phát hành, Công ty có kế hoạch sẽ sử dụng để đầu tư mua tàu biển chở xăng dầu trọng tải khoảng 10.000 DWT
- Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2014; 2015; 9 tháng năm 2016.

17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex, cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex đang hoạt động.

Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của Công ty và tình hình nền kinh tế trong thời gian gần đây, chúng tôi nhận thấy kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp (do đặc thù của lĩnh vực hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào chu kỳ tăng trưởng và suy thoái của ngành).

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

18. Thời gian dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Toàn bộ số cổ phần phát hành thêm sẽ được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam sau khi hoàn tất đợt phát hành.

19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành

- Không có.

20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán phát hành

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán là cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành, đối tượng phát hành

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: **4.543.240** (Bốn triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi) cổ phần.

▪ **Chào bán cho Cổ đông hiện hữu: 4.543.240 cổ phần**

+ Tỷ lệ phát hành: 100:42 (mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông cứ nắm giữ 01 cổ phần được 01 quyền mua, 100 quyền mua được mua thêm 42 cổ phần mới).

+ Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình hoặc từ chối quyền mua. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3).

▪ **Xử lý số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua (nếu có):**

Số lượng cổ phần dôi ra do làm tròn (nếu có) và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn theo giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

▪ **Nguyên tắc làm tròn:** Đối với phương án chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền, số quyền mua sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, số lượng quyền mua nhỏ hơn một đơn vị sẽ không được thực hiện.

4. Giá chào bán dự kiến

- Giá bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần.

5. Phương pháp tính giá

✚ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2015

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán:

Chỉ tiêu	Khoản mục	Giá trị (đồng VN)
Vốn chủ sở hữu	(1)	129.180.914.127
Số cổ phần đã phát hành	(2)	10.817.238

Số cổ phiếu quỹ	(3)	0
Số cổ phần đang lưu hành	(4)	10.817.238

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} \\ \text{một cổ phần} &= \frac{129.180.914.127}{10.817.238} = 11.942 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

✚ Giá trị thị trường (giá bình quân của 30 phiên gần nhất tính đến ngày 18/05/2016): 11.133 đồng/cổ phần

Đơn vị tính: Đồng/cổ phần

Ngày	Giá đóng cửa	Ngày	Giá đóng cửa
18/05/2016	11.900	15/04/2016	10.800
17/05/2016	11.900	14/04/2016	10.800
16/05/2016	11.600	13/04/2016	10.500
13/05/2016	12.300	12/04/2016	10.500
12/05/2015	11.600	11/04/2016	10.800
11/05/2016	11.800	08/04/2016	10.700
10/05/2016	12.000	07/04/2016	10.800
09/05/2016	12.300	06/04/2016	10.800
06/05/2016	12.300	05/04/2016	10.800
05/05/2016	12.300	04/04/2016	10.600
04/05/2016	11.500	25/04/2016	10.400
29/04/2016	11.500	22/04/2016	10.400
28/04/2016	10.800	21/04/2016	10.500
27/04/2016	10.100	20/04/2016	10.500
26/04/2016	10.400	19/04/2016	10.800

$$\begin{aligned} \text{P bình quân} &= \frac{(11.942 + 11.133)}{2} \\ &= 11.537 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

Căn cứ đề xuất mức giá phát hành:

- Đợt phát hành cổ phiếu của PJT được chào bán cho cổ đông hiện hữu. Do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn của PJT, giá thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu PJT được tính toán, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá sau khi phát hành nên giá chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương thức phân phối

Phương thức phân phối cho cổ đông hiện hữu: Theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu, cụ thể như sau:

- ❖ Phân phối và thông qua về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (“quyền mua”).

Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 100 (một trăm) cổ phiếu sẽ được quyền mua 42 cổ phiếu phát hành thêm.

Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) phân phối và thông báo quyền mua cho cổ đông thông qua các Công ty Chứng khoán (“CTCK”) - Thành viên lưu ký của VSD.

Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

- ❖ Chuyển nhượng quyền mua

Trong thời hạn tối thiểu 20 ngày để đăng ký mua, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có nhu cầu.

Đối với cổ đông đã lưu ký

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thoả thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch, với thủ tục cụ thể như sau:

- i. Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại CTCK bên chuyển nhượng mở tài khoản lưu ký. CTCK bên chuyển nhượng chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác về thông tin chuyển nhượng quyền mua của các bên. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng chưa mở tài khoản thì phải mở tài khoản tại một CTCK.
- ii. Việc xác nhận chuyển nhượng quyền mua giữa các cổ đông do VSD thực hiện.
- iii. Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán, CTCK bên chuyển nhượng phải nhập giao dịch chuyển nhượng quyền mua qua cổng giao tiếp điện tử và gửi đến VSD các chứng từ sau:
 - + Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua chứng khoán.
 - + Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin tại trang web của các Sở giao dịch Chứng khoán (nếu có) về việc chuyển nhượng quyền mua của các đối tượng thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định.
 - + Tài liệu liên quan khác (nếu có).
- iv. Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nhượng quyền

mua đầy đủ và hợp lệ, VSD xác nhận vào Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua và gửi cho CTCK liên quan.

Đối với cổ đông chưa lưu ký

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex - Phòng kế toán - Tầng 7, tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

❖ Đăng ký thực hiện quyền mua

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, đăng ký thực hiện quyền mua tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (*đối với cổ đông đã lưu ký*) hoặc tại Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex - Phòng kế toán - Tầng 7, tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh (*đối với cổ đông chưa lưu ký*).

Hết thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

❖ Số cổ phần ưu tiên chào bán theo tỷ lệ, đối với số cổ phần không bán hết, ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán, giá chào bán với nguyên tắc giá chào bán không được thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng (“Giấy chứng nhận”), nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận có hiệu lực. Thời gian phân phối dự kiến trong Quý I/2017.

Lịch trình phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư dự kiến như sau:

Lịch trình cụ thể như sau

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được Giấy chứng nhận của UBCKNN	D
2	Công bố Bản thông báo phát hành	D+7
3	Gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (i)	D + 12 đến D+14
4	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua cổ phiếu (ii)	D + 17 đến D + 20
5	Cổ đông nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu (“thông báo”)	D + 26 đến D + 28
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu (iii)	D + 26 đến D+38
7	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần (iv)	D + 26 đến D + 48

8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm (v)	D+55 đến D+57
9	HĐQT phân phối đối với số cổ phần không bán hết (<i>dự kiến khoảng 2 tuần</i>) (vi)	D+69 đến D+71
10	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCK (vii)	D+79 đến D+89
11	Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung	D+89 đến D+99
12	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch	D+94 đến D+104

- (i) Bước 3: Theo quy định, gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ tới VSD chậm nhất *10 ngày làm việc* trước ngày đăng ký cuối cùng (“ngày đăng ký cuối cùng” là ngày làm việc do Công ty ấn định để xác định Danh sách người sở hữu cổ phiếu SHA được hưởng quyền mua thêm cổ phiếu (“danh sách”). Ngày D+14 là ngày đăng ký cuối cùng)
- (ii) Bước 4: theo quy định, trong vòng *03 ngày làm việc* kể từ ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty danh sách.
- (iii) Bước 5: theo quy định, trong vòng *10 ngày làm việc* kể từ ngày đăng ký cuối cùng, CTCK gửi cổ đông PJT thông báo,
- (iv) Bước 7: theo quy định, thời hạn đăng ký mua (*kể từ khi cổ đông nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu*) tối thiểu 20 ngày.
- (v) Bước 8: theo quy định, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đặt mua cổ phiếu phát hành thêm.
- (vi) Bước 9: theo quy định, Công ty phải hoàn thành việc phân phối cổ phiếu trong vòng 90 ngày.
- (vii) Bước 10: theo quy định, trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (*NĐ 58: Ngày hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu được chào bán từ các nhà đầu tư*).

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến cho nhà đầu tư, tuy nhiên, tùy tình hình thị trường, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; đảm bảo lợi ích cao nhất cho Cổ đông; và đảm bảo việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Lịch trình phân phối cổ phiếu chính thức sẽ được công bố chính thức khi Công ty được UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

Phương thức thanh toán: cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex - Phòng kế toán - Tầng 7, tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ, P. 22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh (đối với cổ đông chưa lưu ký).

Chuyển giao cổ phiếu: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCK, sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại HSX và đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD.

Quyền lợi người mua cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành thêm trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện chào bán cổ phần phát hành thêm cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục V.6, V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định của Luật đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Theo Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ - CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán quy định:

- Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;
- Trường hợp Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%.
- Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác.

- Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định trên tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Hiện tại, tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty là: 15,01 %.

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định 118/2015/NĐ - CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư, và theo Danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và các hiệp định đầu tư quốc tế Việt Nam tham gia tới thời điểm hiện tại công bố trên website Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài của Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<https://dautunuoocngoai.gov.vn/fdi>), trong các ngành nghề kinh doanh của PJT có một số ngành nghề không hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài, một số ngành nghề chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Theo quy định tại Phụ lục 03 về danh mục hàng hóa không được thực hiện quyền phân phối của Thông tư 34/2013/TT – BCT của Bộ Công thương, đối với một số ngành nghề của Công ty như ngành bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Mã ngành 4730); ngành bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (mã ngành 4661), Việt Nam không cho phép người nước ngoài tham gia thực hiện phân phối các mặt hàng này. Vì vậy, để đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định, PJT cam kết sẽ chỉ phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ quyền mua của cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền mua, đối với cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không phân phối hết, PJT sẽ không chào bán/phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài. Đồng thời, PJT cũng cam kết đảm bảo không làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty sau khi kết thúc chào bán theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 123/2015/TT – BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trong tương lai, khi có sự thay đổi theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định của pháp luật Việt Nam cũng như điều ước quốc tế Việt Nam tham gia về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài thì Công ty sẽ cập nhật và áp dụng theo quy định mới.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng 01 (một) lần. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thoả thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác.

Số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là cổ phần phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

Theo khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ – CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Nghị định 58/2012/NĐ – CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng

dẫn thị hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán: “*Trường hợp tổ chức phát hành thực hiện chào bán một phần hoặc trong tổng số cổ phần đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định (trừ trường hợp chào bán cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ sở hữu của họ trong công ty hoặc chào bán cho người lao động), thì phải đảm bảo điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của cổ đông không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác. Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phải xác định rõ tiêu chí, danh sách các nhà đầu tư này theo các quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định này. Số cổ phiếu chào bán nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán*”.

Vì vậy, đối với số cổ phần không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết, Hội đồng quản trị sẽ phân phối cho các đối tượng khác đảm bảo điều kiện chào bán, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của cổ đông không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu và số cổ phần chào bán này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex cam kết đợt chào bán cổ phiếu của PJT đáp ứng điều kiện chào bán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 của Nghị định 58/2012/NĐ – CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ – CP ngày 26/05/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ – CP ngày 20/07/2012, đồng thời cam kết tuân thủ đúng quy định về hạn chế chuyển nhượng tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ – CP nêu trên.

12. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán

12.1. Đối với Công ty

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- + Hàng hoá cung cấp cho khách hàng trong khu chế xuất hay xuất khẩu: 0%
- + Hàng hoá cung cấp cho khách hàng trong nước: 10%

- **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)**

Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 218/2013/NĐ-CP quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó, từ ngày 01/01/2014 thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phổ thông là 22% và từ ngày 01/01/2016 là 20%. (các năm trước thuế suất 25%)

- **Các loại thuế khác:** Công ty tuân thủ theo Luật thuế hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

12.2. Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại *tiết a điểm 2,2,2 mục II Phần B Thông tư 84/2008/TT - BTC ngày 30/09/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNCN và cá nhân chuyển nhượng* vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần, cuối năm cá nhân thực hiện quyết toán thuế.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNDN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo *Thông tư 84/2008/TT - BTC*, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%,

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%, Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định *Thông tư 78/2014/TT-BTC* thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại *Thông tư số 134/2008/TT - BTC ngày 31/12/2008*,

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại *Khoản 6, Điều 4 Luật thuế TNDN năm 2008*.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường Thủy Petrolimex

Số tài khoản: 0071001082969 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

- + Đáp ứng nhu cầu về vốn để thực hiện Dự án đầu tư tàu biển chở xăng dầu trọng tải khoảng 10.000 DWT.
- + Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ của Công ty.

2. Phương án khả thi

Phương án khả thi đầu tư tàu biển chở xăng dầu trọng tải khoảng 10.000 DWT và bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ của Công ty như sau:

TT	Khoản mục đầu tư
1	Dự án đầu tư tàu biển chở xăng dầu trọng tải khoảng 10.000 DWT
2	Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ của Công ty.

2.1. Dự án đầu tư tàu biển chở xăng dầu trọng tải khoảng 10.000 DWT

a. Giới thiệu về dự án

- Tên dự án: Dự án đầu tư tàu biển chở xăng dầu trọng tải khoảng 10.000 DWT
- Đơn vị lập dự án: Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- Tổng mức đầu tư : 11.000.000 USD (Mười một triệu Đô la Mỹ)
 - Trong đó, vốn tự có chiếm 25% : 2.750.000 USD
 - Vốn vay ngân hàng chiếm 75% : 8.250.000 USD
- Lý do đầu tư

- + Đầu tư để thay thế và trẻ hóa đội tàu:

Đội tàu biển của Công ty trừ các tàu Long Phú 08, 10, 18 còn lại là tàu già, hạn chế về quy phạm kỹ thuật nên hiệu quả khai thác chưa cao, sức cạnh tranh thấp. Do các rào cản kỹ thuật ngày càng cao của các cảng dầu nội địa và quốc tế, một số tàu già, trọng tải nhỏ của Công ty không còn phù hợp. Cùng với kế hoạch thanh lý giải bản, Công ty sẽ đầu tư tàu mới để thay thế và phát triển nhằm nâng cao năng lực vận tải, năng lực cạnh tranh cho đội tàu Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường và yêu cầu của các cảng dầu trong nước và quốc tế.

Trong 3 năm gần đây, 2 dự án đầu tư mua tàu là Long Phú 10 (năm 2013) và Long Phú 18 (Năm 2014) đều mang lại hiệu quả cao và đảm bảo tiến độ thu hồi vốn đã chứng minh chiến lược đầu tư phát triển của Công ty đã và đang thực hiện là hoàn toàn đúng đắn và là nền tảng cho các dự án đầu tư tàu tiếp theo.

Đó là những cơ sở để Công ty quyết định phải đầu tư 1 tàu biển chở dầu cỡ 10.000 DWT ngay trong năm 2016

- + Đầu tư để phù hợp với yêu cầu của thị trường:

Việc Tập đoàn XDVN đưa vào hoạt động kho ngoại quan Vân Phong và sự ra đời của các dự án lọc dầu ven biển Việt Nam như Dung Quất, Nghi Sơn đã và sẽ làm thay đổi đáng kể đường vận động hàng hóa của đội tàu dầu, phát sinh tăng nhu cầu vận chuyển trong nước và xuất khẩu xăng dầu từ Việt Nam ra nước ngoài.

Như vậy, việc đầu tư các tàu có trọng tải và mớn nước phù hợp với phần lớn các kho dầu nội địa và kết hợp vận chuyển những lô hàng nhỏ ra nước ngoài là phù hợp nhu cầu thị trường.

- Mục tiêu đầu tư:

+ Đầu tư để thực hiện chiến lược phát triển, phát huy lợi thế:

Thực hiện chiến lược phát triển Công ty: nâng cao năng lực vận chuyển, năng lực cạnh tranh và vị thế của Công ty từ việc hình thành một đội tàu hiện đại, chuyên dụng, phù hợp nhu cầu thị trường và qui phạm kỹ thuật của các kho cảng biển trong khu vực.

Gia tăng thị phần vận tải: Dựa vào nguồn lực của Tập đoàn, Tổng công ty để phát triển ra thị trường bên ngoài, thị trường cận hải quốc tế, từng bước nâng sản lượng và doanh thu ngoài ngành từ 30-40% trên tổng sản lượng/doanh thu của Công ty

+ Đầu tư đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội:

- Dự án đầu tư tàu của Công ty được thực hiện sẽ tạo ra nguồn lực kinh doanh mới, tạo ra sản phẩm mới, tăng các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách cho Nhà nước và tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong nước chủ động nguồn cung ứng năng lượng liên tục.

b. Kế hoạch đầu tư

✓ **Phương án vốn đầu tư của dự án**

DVT : VND

Mục	Tổng dự án
Tổng vốn đầu tư	246.400.000.000
Vốn tự có của chủ đầu tư	61.600.000.000
Vốn tự có của chủ đầu tư	39.200.000.000
Vốn huy động từ phát hành cổ phiếu dự kiến	22.400.000.000
Vốn vay thương mại	184.800.000.000

(tỷ giá USD/VND = 22.400)

Trong đó: Nguồn vốn chủ sở hữu tài trợ cho dự án là **61.600.000.000** đồng, sẽ được sử dụng từ nguồn vốn tự có của chủ đầu tư là 39.200.000.000 đồng và 22.400.000.000 đồng là huy động từ đợt phát hành 4.542.700 cổ phiếu.

Công ty đã được Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam cam kết cấp hạn mức tín dụng từ 80% đến 85% giá trị con tàu.

c. Hiệu quả kinh tế của Dự án:

Bảng 28. Hạch toán hiệu quả kinh doanh của tàu đầu tư

Đơn vị tính: USD

Thông số	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6	Năm thứ 7	Năm thứ 8	Năm thứ 9	Năm thứ 10	Năm thứ 11	Năm thứ 12
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Doanh thu	4.314.743	4.314.743	3.891.972	4.314.743	4.314.743	3.891.972	4.314.743	4.314.743	3.891.972	4.314.743	4.314.743	3.891.972
CP cố định, trong đó :	2.553.866	2.506.487	2.294.860	2.388.080	2.329.152	2.130.908	2.222.294	2.168.866	2.024.051	2.163.366	2.145.032	1.969.047
+ <i>Khấu hao</i>	<i>916.667</i>	<i>916.667</i>	<i>916.667</i>	<i>916.667</i>	<i>916.667</i>	<i>916.667</i>	<i>916.667</i>	<i>916.667</i>	<i>916.667</i>	<i>916.667</i>	<i>916.667</i>	<i>916.663</i>
+ Lãi vay	<i>412.500</i>	<i>353.571</i>	<i>294.643</i>	<i>235.714</i>	<i>176.786</i>	<i>117.857</i>	<i>58.929</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Chi phí hoạt động	1.531.450	1.531.450	1.373.879	1.531.450	1.531.450	1.373.879	1.531.450	1.531.450	1.373.879	1.531.450	1.531.450	1.373.879
Chi phí	4.085.316	4.037.937	3.668.739	3.919.530	3.860.602	3.504.787	3.753.744	3.700.316	3.397.930	3.694.816	3.676.482	3.342.926
Lợi nhuận trước thuế	229.427	276.806	223.233	395.213	454.141	387.185	560.999	614.427	494.042	619.927	638.261	549.046
Thuế thu nhập DN 20%	45.885	55.361	44.647	79.043	90.828	77.437	112.200	122.885	98.808	123.985	127.652	109.809
Lợi nhuận sau thuế	183.542	221.445	178.586	316.170	363.313	309.748	448.799	491.542	395.234	495.942	510.609	439.237
Thu hồi vốn (KHCB+LN sau thuế +TL)	1.100.209	1.138.112	1.095.253	1.232.837	1.279.980	1.226.415	1.365.466	1.408.209	1.311.901	1.412.609	1.427.276	2.151.355
Trả nợ gốc	1.178.571	1.178.571	1.178.571	1.178.571	1.178.571	1.178.571	1.178.571	0	0	0		
Cân bằng thu nhập	-78.363	-40.460	-83.318	54.266	101.409	47.844	186.894	1.408.209	1.311.901	1.412.609	1.427.276	1.355.904
Suất sinh lời/Vốn đầu tư	1,67%	2,01%	1,62%	2,87%	3,30%	2,82%	4,08%	4,47%	3,59%	4,51%	4,64%	3,99%
Suất sinh lời/Vốn CSH	6,67%	8,05%	6,49%	11,50%	13,21%	11,26%	16,32%	17,87%	14,37%	18,03%	18,57%	15,97%

IRR = 8%

NPV = 1.512.413 USD

Thời gian hoàn vốn: 8 năm 08 tháng

d. Đánh giá Dự án đầu tư:

Từ các nội dung phân tích và tổng hợp trên cho thấy đây là một dự án có tính khả thi về phương diện quản lý, khai thác, tài chính, và hiệu quả kinh tế.

- Về hiệu quả kinh doanh :

Mở rộng tầm hoạt động, tuyển vận tải, phát triển thị trường.

Đa dạng hóa cơ cấu đội tàu biển hiện hữu về trọng tải; Tăng thêm hơn 57% năng lực vận tải cho đội tàu biển của Công ty, đảm bảo tính chủ động trong cạnh tranh.

Mỗi năm sản lượng vận chuyển tăng từ 30% – 35%, doanh thu tăng 24 - 30%.

Phương án mua tàu có tính khả thi do Công ty đã có một thị trường hiện hữu tương đối ổn định và một thị trường tương lai đang phát triển. Tàu có mớn nước phù hợp có thể vào được hầu hết các cảng dầu hiện có ở Việt Nam.

- Về tài chính:

Đảm bảo được thời gian trả lãi vay và hoàn vốn trong 7 năm mà vẫn đạt được lợi nhuận cho công ty.

Lợi nhuận bình quân hàng năm cao, nộp ngân sách trên 8 tỷ đồng.

Phương án đầu tư có tỷ suất nội hoàn $IRR = 8\% > 5,0\%$ chứng minh dự án đầu tư khả thi và có hiệu quả trong sử dụng vốn vay.

- Về hiệu quả xã hội:

Tạo chủ động trong việc ký hợp đồng vận chuyển dài hạn với các chủ hàng. Đa dạng hóa hoạt động vận tải của công ty.

Tạo cơ hội việc làm có thu nhập cao cho người lao động, đồng thời tạo điều kiện để thuyền viên Công ty tiếp cận, vận hành tàu dầu trang bị công nghệ cao.

2.4. Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ của Công ty

Sau khi Công ty dùng vốn tự có để làm vốn đối ứng vay ngân hàng cho dự án đầu tư tàu biển khoảng 10.000 DWT, Công ty rất cần có nguồn vốn bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ (khoảng 23 tỷ đồng).

Kết luận: Từ những phân tích về hiệu quả kinh tế do con tàu mang lại, lợi ích thu được từ việc đầu tư tàu và sự cần thiết phải bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ của Công ty. Việc huy động vốn từ đợt phát hành lần này để tài trợ cho việc đầu tư mua tàu và bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ của Công ty là cần thiết

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Để đảm bảo huy động đủ số vốn cần thiết cho kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex đã ủy quyền cho HĐQT chào bán tiếp số cổ phần không phát hành hết cho các nhà đầu tư khác trong trường hợp cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua.

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán này dự kiến **45.427.000.000 đồng** sẽ được Công ty sử dụng vào việc đầu tư mua tàu biển chở xăng dầu trọng tải khoảng 10.000 DWT và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, thương mại dịch vụ của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Đối tượng sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư mua tàu biển chở xăng dầu trọng tải khoảng 10.000 DWT	22.400.000.000
4	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ của Công ty	23.027.000.000
	Tổng cộng	45.427.000.000

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà 322 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08 3899 1101 Fax: 08 3512 1775

Website : www.pjtaco.petrokimex.com.vn

Email : pjtaco@pjtaco.com.vn.

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÀN NAM VIỆT

Trụ sở : 29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08 39103908 Fax: 08 39104880

Website : www.aascn.com.vn.

3. Tổ chức tư vấn

CHI NHÁNH HÀ THÀNH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Chi nhánh Hà Thành:

Địa chỉ : Tầng 4, tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 35148838 Fax: (84-4) 35148768

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 2 Bis Nguyễn Thị Minh Khai – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 39110788 Fax : (84-8) 39110789

Website : www.vics.vn

Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam (“VICIS”) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Trên cơ sở những thông tin về đợt phát hành và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua và những nhận định về tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam, là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam nhận thấy nếu không có những biến động bất thường tác động đến đợt phát hành của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex thì kế hoạch phát hành của Công ty đưa ra là khá hợp lý và mang tính khả thi.

Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt này được Công ty đầu tư vào các dự án có độ an toàn và suất sinh lời tốt, bảo đảm lợi nhuận ổn định trong dài hạn cho các nhà đầu tư tham gia mua cổ phần, cụ thể đầu tư mua tàu biển chở xăng dầu trọng tải khoảng 10.000 DWT. Hơn nữa, đối tượng mua cổ phần là tất cả các cổ đông hiện hữu của PJT tại ngày chốt danh sách hưởng quyền mua.

Với những nhận định trên, chúng tôi - Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam cho rằng đợt chào bán 4.542.700 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là phù hợp với nhu cầu vốn cũng như phù hợp với định hướng phát triển của PJT trong thời gian tới.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, dựa trên các thông tin chúng tôi đã thu thập và đánh giá trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu phát hành và tính chắc chắn của những số liệu trong kế hoạch sử dụng vốn của Công ty cũng như sự thành công của đợt phát hành. Nhận xét chỉ mang tính tham khảo.

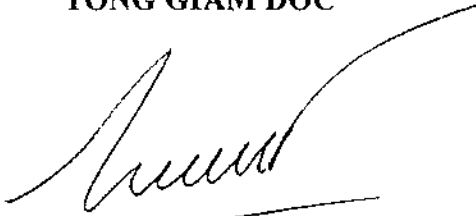
PHỤ LỤC

- 1. Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng**
- 2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**
- 3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành.**
- 4. Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty**
- 5. Báo cáo tài chính hợp nhất (đã kiểm toán) năm 2014, 2015 và Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2016.**
- 6. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014; 2015 và BCTC quý III/2016 của Công ty mẹ**
- 7. Danh sách người có liên quan tới thành viên HĐQT; BKS; Ban Tổng Giám đốc**
- 8. Quyết định của HĐQT thông qua hồ sơ**
- 9. Các tài liệu khác**

TP Hồ Chí Minh, ngày 16. tháng 04. năm 2017.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**

TÔNG GIÁM ĐỐC



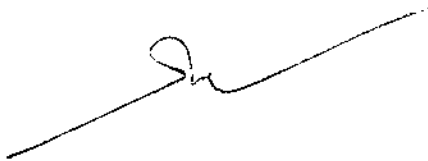
ĐẶNG THỊ XUÂN HƯƠNG

CHỦ TỊCH HĐQT



PHAN VĂN KỶ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



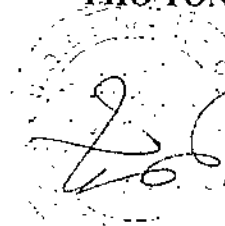
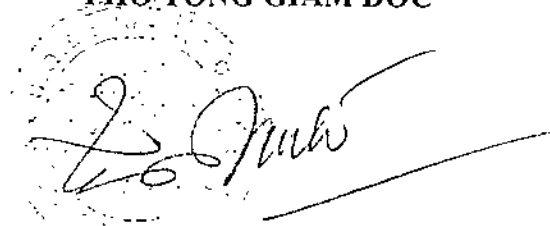
HOÀNG ANH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HIỀN

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC**

TÔ THÀNH VINH